# DANH SÁCH ĐỀ TÀI KHÓA LUẬN CỬ NHÂN NGÀNH CNTT, HK1 NH26-27

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **I** | **01001002** | **Vũ Văn** | **Vinh** | | | |
| 1 | 2001230046 | Nguyễn Thái | Bảo | 14DHTH12 | Xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý và đánh giá chuẩn đầu ra học phần theo mô hình OBE | CNTT-KLCN055 |
| 2 | 2001230390 | Nguyễn Duy | Khánh | 14DHTH12 | | |
| 3 | 2001230929 | Đỗ Gia | Thịnh | 14DHTH12 | | |
| **II** | **01001002** | **Vũ Văn** | **Vinh** | | | |
| | **TG00001189** | **Châu Văn** | **Thịnh** | | | |
| 1 | 2001230017 | Lê Ngọc | Anh | 14DHTH14 | Xây dựng hệ thống hỗ trợ quản lý, đăng ký đồ án, khóa luận tại khoa Công nghệ Thông tin | CNTT-KLCN051 |
| 2 | 2001230313 | Tăng Gia | Huy | 14DHTH14 | | |
| 3 | 2001230848 | Hồ Minh | Tuấn | 14DHTH11 | | |
| 4 | 2001230418 | Nguyễn Tuấn | Khôi | 14DHTH12 | Xây dựng hệ thống quản lý cho thuê phòng trọ | CNTT-KLCN052 |
| 5 | 2001230637 | Trần Hữu | Phát | 14DHTH06 | | |
| 6 | 2001230823 | Bùi Quốc | Toàn | 14DHTH04 | | |
| 7 | 2001230763 | Nguyễn Ngọc | Sơn | 14DHTH15 | Xây dựng hệ thống phần mềm hỗ trợ quản lý tại một quán ăn | CNTT-KLCN053 |
| 8 | 2001230822 | Huỳnh Đức | Toàn | 14DHTH11 | | |
| 9 | 2001230870 | Nguyễn Xuân | Tường | 14DHTH11 | | |
| 10 | 2001230134 | Nguyễn Thị Thuỳ | Dương | 14DHTH14 | Xây dựng hệ thống quản lý cửa hàng mua bán thiết bị điện tử | CNTT-KLCN057 |
| 11 | 2001230779 | Đoàn Lê Văn | Tâm | 14DHTH15 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | 2001231060 | Thái Duy | Vũ | 14DHTH14 | | |
| **III** | **01001002** | **Vũ Văn** | **Vinh** | | | |
| | **TG00001193** | **Nguyễn Trần Duy** | **Khang** | | | |
| 1 | 2001230358 | Ngô Hoàng | Kha | 14DHTH09 | Xây dựng Hệ thống quản lý việc cho thuê thiết bị | CNTT-KLCN058 |
| 2 | 2001230726 | Phan Minh | Quân | 14DHTH09 | | |
| 3 | 2001230853 | Hồ Sĩ | Tuấn | 14DHTH07 | | |
| 4 | 2001230165 | Nguyễn Trần Tấn | Đạt | 14DHTH10 | Xây dựng hệ thống quản lý khách sạn | CNTT-KLCN060 |
| 5 | 2001230826 | Lâm | Toàn | 14DHTH09 | | |
| 6 | 2001230993 | Nguyễn Phú | Trọng | 14DHTH07 | | |
| **IV** | **01001002** | **Vũ Văn** | **Vinh** | | | |
| | **TG00000438** | **Nguyễn Khắc** | **Điệp** | | | |
| 1 | 2001230602 | Nguyễn Xuân | Nhân | 14DHTH11 | Nghiên cứu phát triển mô hình học sâu dự báo nhiệt độ và lượng mưa ngắn hạn từ dữ liệu khí tượng đa nguồn cho khu vực tỉnh Vĩnh Long | CNTT-KLCN093 |
| 2 | 2001230644 | Nguyễn Duy | Phát | 14DHTH06 | | |
| 3 | 2001230674 | Cao Quốc | Phú | 14DHTH11 | | |
| **V** | **01001002** | **Vũ Văn** | **Vinh** | | | |
| | **TG00000879** | **Đỗ Gia** | **Bảo** | | | |
| 1 | 2001230880 | Nguyễn Chí | Thanh | 14DHTH07 | Nghiên cứu và xây dựng hệ thống du lịch thông minh dựa trên kiến trúc đa tầng và mô hình khuyến nghị cá nhân hóa | CNTT-KLCN094 |
| 2 | 2001230943 | Lê Nguyễn Xuân | Thu | 14DHTH07 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | 2001230989 | Bùi Quốc | Trọng | 14DHTH07 | hình khuyến nghị cá nhân hóa | |
| 4 | 2001230266 | Nguyễn Huy | Hoàng | 14DHTH02 | Nghiên cứu và ứng dụng thuật toán gợi ý đa tiêu chí nhận diện bằng chứng vào hệ thống kết nối thực tập ngắn hạn ngành Công nghệ thông tin | CNTT-KLCN095 |
| 5 | 2001231032 | Nguyễn Ngọc Tường | Vi | 14DHTH12 | | |
| 6 | 2001231062 | Nguyễn Việt | Vương | 14DHTH02 | | |
| **VI** | **01001003** | **Trần Như** | **Ý** | | | |
| 1 | 2001230170 | Cao Lê Hải | Đăng | 14DHTH03 | Ứng dụng mô hình nhận diện vật thể trong hỗ trợ học từ vựng song ngữ Việt – Anh cho trẻ em | CNTT-KLCN224 |
| 2 | 2001230319 | Võ Đình | Hưng | 14DHTH02 | | |
| 3 | 2001230755 | Trương Quang | Sang | 14DHTH03 | | |
| 4 | 2001230695 | Phùng Tấn | Phúc | 14DHTH05 | Ứng dụng mô hình nhận dạng khuôn mặt cho hệ thống phát hiện thi hộ | CNTT-KLCN225 |
| 5 | 2001230731 | Trương Lê Hải | Quân | 14DHTH11 | | |
| 6 | 2001231023 | Ngô Thị Thu | Uyên | 14DHTH16 | | |
| 7 | 2001230094 | Trần Thành | Danh | 14DHTH08 | Ứng dụng mô hình nhận dạng khuôn mặt cho hệ thống điểm danh sinh viên lớp học | CNTT-KLCN226 |
| 8 | 2001230474 | Nguyễn Hoàng | Lộc | 14DHTH08 | | |
| 9 | 2001230988 | Nguyễn Quốc | Trọng | 14DHTH08 | | |
| 10 | 2001230581 | Phạm Hải | Nguyên | 14DHTH04 | Tối ưu hóa bài toán xếp lịch gác thi cho giảng viên | CNTT-KLCN227 |
| 11 | 2001230617 | Hồ Ngọc Phương | Nhi | 14DHTH04 | | |
| 12 | 2001230836 | Nguyễn Thanh | Tú | 14DHTH04 | | |
| 13 | 2001230677 | Lê Trần | Phú | 14DHTH08 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | 2001230706 | Đinh Tấn | Phương | 14DHTH13 | Dự đoán tuổi xương từ ảnh X-quang bàn tay | CNTT-KLCN228 |
| 15 | 2001230832 | Nguyễn Nhật | Toàn | 14DHTH13 | | |
| 16 | 2001230623 | Nguyễn Ngọc Yến | Nhi | 14DHTH05 | Phát hiện bình luận tiêu cực trong đánh giá sản phẩm cho trang web | CNTT-KLCN230 |
| 17 | 2001230964 | Lê Minh | Thức | 14DHTH04 | | |
| 18 | 2001231014 | Võ Xuân | Trường | 14DHTH04 | | |
| 19 | 2001230117 | Lê | Duy | 14DHTH12 | Nghiên cứu mô hình học sâu cho bài toán phân loại rác và ứng dụng hỗ trợ giáo dục cho học sinh tiểu học | CNTT-KLCN232 |
| 20 | 2001230304 | Phạm Thanh | Huy | 14DHTH14 | | |
| 21 | 2001230827 | Phan Minh | Toàn | 14DHTH12 | | |
| 22 | 2001230174 | Cao Hải | Đăng | 14DHTH06 | Nhận dạng bảng điểm viết tay hỗ trợ nhập điểm tự động | CNTT-KLCN233 |
| 23 | 2001230365 | Hồ Sĩ | Khải | 14DHTH08 | | |
| 24 | 2001230990 | Tống Văn | Trọng | 14DHTH06 | | |
| **VII** | **01001003** | **Trần Như** | **Ý** | | | |
| | **TG00000627** | **Phạm Thế** | **Bảo** | | | |
| 1 | 2001221678 | Phan Quốc | Huy | 13DHTH03 | Ứng dụng học sâu phát hiện loãng xương từ ảnh X-Quang khớp gối | CNTT-KLCN231 |
| 2 | 2001230698 | Huỳnh Ngọc | Phước | 14DHTH05 | | |
| 3 | 2001230873 | Trịnh Hoàng | Thái | 14DHTH01 | | |
| **VIII** | **01001004** | **Nguyễn Hải** | **Yến** | | | |
| 1 | 2001230597 | Nguyễn Thành | Nhân | 14DHTH03 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 2001230840 | Đoàn Tuấn | Tú | 14DHTH03 | Xây dựng hệ thống tuyển dụng và tìm việc | CNTT-KLCN041 |
| 3 | 2001230904 | Cao Nguyễn Kim | Thảo | 14DHTH03 | | |
| 4 | 2001230006 | Trình Quốc | An | 14DHTH02 | Xây dựng hệ thống đặt vé xe khách trực tuyến. | CNTT-KLCN042 |
| 5 | 2001230759 | Lê | Sony | 14DHTH02 | | |
| 6 | 2001230768 | Phạm Minh | Tài | 14DHTH05 | | |
| 7 | 2001230041 | Nguyễn Phạm Đình | Bảo | 14DHTH13 | Xây dựng hệ thống học và luyện thi TOEIC tích hợp phân lớp học viên bằng KNN | CNTT-KLCN043 |
| 8 | 2001230433 | Võ Đình | Lâm | 14DHTH13 | | |
| 9 | 2001230758 | Cao | Sáng | 14DHTH04 | | |
| 10 | 2001230566 | Phạm Ánh | Ngọc | 14DHTH03 | Xây dựng hệ thống phân phối và khuyến nghị khóa học trực tuyến bằng phương pháp lọc cộng tác | CNTT-KLCN044 |
| 11 | 2001230673 | Phùng Dương Thiên | Phú | 14DHTH03 | | |
| 12 | 2001230959 | Nguyễn Thị Minh | Thư | 14DHTH03 | | |
| 13 | 2001230540 | Nguyễn Thanh | Nam | 14DHTH15 | Xây dựng hệ thống quản lý kinh doanh mỹ phẩm và dịch vụ làm đẹp. | CNTT-KLCN045 |
| 14 | 2001230588 | Nguyễn Kiều Hạnh | Nguyên | 14DHTH06 | | |
| 15 | 2001230699 | Lê Đông | Phước | 14DHTH06 | | |
| 16 | 2001230091 | Ngô Công | Danh | 14DHTH13 | Xây dựng nền tảng giải trí và đề xuất Video bằng phương pháp lọc cộng tác | CNTT-KLCN046 |
| 17 | 2001230443 | Nguyễn Duy | Linh | 14DHTH04 | | |
| 18 | 2001230834 | Nguyễn Thái | Tú | 14DHTH04 | | |
| 19 | 2001230288 | Phan Hoài Thanh | Huy | 14DHTH02 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 20 | 2001230409 | Lê Nguyễn Đăng | Khoa | 14DHTH02 | Xây dựng hệ thông đặt vé và dịch vụ bay cho hãng VietjetAir | CNTT-KLCN047 |
| 21 | 2001230766 | Nguyễn Mậu Tấn | Tài | 14DHTH02 | | |
| 22 | 2001230036 | Phan Võ Chí | Bảo | 14DHTH06 | Xây dựng Website shop thời trang | CNTT-KLCN048 |
| 23 | 2001230857 | Nguyễn Tấn | Tuấn | 14DHTH15 | | |
| 24 | 2001231069 | Trần Xuân | Vỷ | 14DHTH15 | | |
| 25 | 2001230172 | Nguyễn Hải | Đăng | 14DHTH16 | Xây dựng hệ thống thông tin quản lý thư viện trường Đại học Công thương TP.HCM | CNTT-KLCN049 |
| 26 | 2001230427 | Nguyễn Huỳnh Trúc | Lam | 14DHTH10 | | |
| 27 | 2001230605 | Vũ Hồ Trọng | Nhật | 14DHTH16 | | |
| 28 | 2001230439 | Đỗ Quang | Liêm | 14DHTH09 | Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động tự đánh giá và kiểm định chất lượng Chương trình đào tạo | CNTT-KLCN050 |
| 29 | 2001230464 | Nguyễn Võ Thành | Long | 14DHTH09 | | |
| 30 | 2001231064 | Nguyễn Lê Tường | Vy | 14DHTH10 | | |
| **IX** | **01001005** | **Nguyễn Thị** | **Định** | | | |
| 1 | 2001230213 | Trần Nhật | Hào | 14DHTH09 | Tìm kiếm sản phẩm thời trang bằng hình ảnh và mô tả tự nhiên | CNTT-KLCN198 |
| 2 | 2001230395 | Đỗ Hoàng Anh | Khoa | 14DHTH09 | | |
| 3 | 2001230407 | Tạ Minh | Khoa | 14DHTH09 | | |
| 4 | 2001230291 | Trần Đức | Huy | 14DHTH16 | Hệ thống hỏi đáp hóa đơn, tài liệu bằng hình ảnh | CNTT-KLCN200 |
| 5 | 2001230447 | Nguyễn Mai Hồng | Loan | 14DHTH16 | | |
| 6 | 2001230953 | Phạm Kim Diễm | Thúy | 14DHTH16 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | 2001230153 | Nguyễn Cao Dũng | Đạt | 14DHTH11 | Hệ thống quản lý sàn thương mại điện tử có tích hợp tìm kiếm sản phẩm bằng hình ảnh | CNTT-KLCN201 |
| 8 | 2001230229 | Nguyễn Quốc | Hiền | 14DHTH11 | | |
| 9 | 2001230268 | Võ Minh | Hoàng | 14DHTH11 | | |
| 10 | 2001230238 | Đào Văn | Hiếu | 14DHTH04 | Hệ thống tư vấn sản phẩm thông minh theo nhu cầu người dùng | CNTT-KLCN202 |
| 11 | 2001230374 | Nguyễn Đặng Vĩnh | Khang | 14DHTH04 | | |
| 12 | 2001231009 | Lê Quốc | Trung | 14DHTH04 | | |
| 13 | 2001230253 | Hồ Khắc | Hòa | 14DHTH02 | Hệ thống quản lý cuộc thi sinh viên nghiên cứu khoa học tại khoa CNTT-HUIT | CNTT-KLCN203 |
| 14 | 2001230299 | Lê Quốc | Huy | 14DHTH05 | | |
| 15 | 2001230648 | Huỳnh Minh | Phát | 14DHTH02 | | |
| **X** | **01001006** | **Ngô Dương** | **Hà** | | | |
| 1 | 2001230465 | Dương Gia | Long | 14DHTH06 | Phát hiện bạo lực đám đông dựa trên mô hình CNN và ứng dụng minh họa | CNTT-KLCN161 |
| 2 | 2001230647 | Đinh Đăng | Phát | 14DHTH13 | | |
| 3 | 2001230676 | Thái Hoàng | Phú | 14DHTH06 | | |
| 4 | 2001230327 | Nguyễn Duy | Hưng | 14DHTH10 | Xây dựng hệ thống quản lý phòng trọ | CNTT-KLCN162 |
| 5 | 2001230590 | Nguyễn Chí | Nguyễn | 14DHTH10 | | |
| 6 | 2001231017 | Trần Quốc | Trường | 14DHTH05 | | |
| 7 | 2001230264 | Nguyễn Huy | Hoàng | 14DHTH11 | Nghiên cứu mô hình Diffusion kết hợp 1D U-Net trong khử nhiễu tín hiệu điện tâm đồ ECG | CNTT-KLCN163 |
| 8 | 2001230325 | Vũ Duy | Hưng | 14DHTH06 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 2001230562 | Lê Thanh | Nghĩa | 14DHTH12 | ECG | |
| 10 | 2001230411 | Lê Đình Anh | Khoa | 14DHTH15 | Nghiên cứu và xây dựng hệ thống hiển thị Head-Coupled Perspective Display thời gian thực bằng webcam | CNTT-KLCN164 |
| 11 | 2001230749 | Đàm Như | Quỳnh | 14DHTH04 | | |
| 12 | 2001230892 | Nguyễn Quốc | Thành | 14DHTH07 | | |
| **XI** | **01001006** | **Ngô Dương** | **Hà** | | | |
| | **TG00001192** | **Nguyễn Minh** | **Hiến** | | | |
| 1 | 2001230508 | Cao Đức | Mạnh | 14DHTH12 | Xây dựng hệ thống Chatbot đa kênh tích hợp CRM cho bán hàng online | CNTT-KLCN165 |
| 2 | 2001230803 | Hồ Gia | Tiến | 14DHTH04 | | |
| 3 | 2001230920 | Ngô Long | Thiên | 14DHTH13 | | |
| 4 | 2001230662 | Mã Nhật | Phong | 14DHTH09 | Ứng dụng AI tạo sinh hỗ trợ viết mô tả sản phẩm và nội dung marketing tự động | CNTT-KLCN166 |
| 5 | 2001230760 | Cao Minh | Sơn | 14DHTH06 | | |
| 6 | 2001230838 | Nguyễn Hữu Nhật | Tú | 14DHTH07 | | |
| 7 | 2001230112 | Lê Khánh | Duy | 14DHTH02 | Xây dựng hệ thống RPA tự động hóa quy trình nhập liệu và đối soát hóa đơn | CNTT-KLCN167 |
| 8 | 2001230322 | Nguyễn Minh | Hưng | 14DHTH13 | | |
| 9 | 2001231029 | Trần Thị Cẩm | Vân | 14DHTH10 | | |
| **XII** | **01001010** | **Huỳnh Thị Châu** | **Lan** | | | |
| 1 | 2001230242 | Lâm Trung | Hiếu | 14DHTH02 | Phát hiện và phân loại bệnh trên lá lúa sử dụng CNN kết hợp kỹ thuật tiền xử lý ảnh | CNTT-KLCN154 |
| 2 | 2001230601 | Nguyễn Văn | Nhân | 14DHTH02 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | 2001230932 | Huỳnh Bá | Thịnh | 14DHTH02 | | |
| 4 | 2001230547 | Võ Gia | Ninh | 14DHTH16 | Hệ thống phân loại rác thải sinh hoạt từ ảnh chụp thực tế sử dụng mô hình học sâu và augmentation | CNTT-KLCN155 |
| 5 | 2001230595 | Ngô Thanh | Nhân | 14DHTH02 | | |
| 6 | 2001231039 | Vũ Trường | Vinh | 14DHTH05 | | |
| **XIII** | **01001011** | **Nguyễn Văn** | **Lễ** | | | |
| 1 | 2001230195 | Nguyễn Quang | Đức | 14DHTH13 | Xây dựng hệ thống quản lý công việc và tối ưu hóa phân công bằng Học máy tại Khoa Công nghệ Thông tin | CNTT-KLCN184 |
| 2 | 2001230311 | Nguyễn Gia | Huy | 14DHTH09 | | |
| 3 | 2001230519 | Đỗ Văn | Minh | 14DHTH13 | | |
| 4 | 2001230106 | Hồ Chí | Dũng | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống quản lý và khuyến nghị trong công tác khóa luận tốt nghiệp tại trường đại học | CNTT-KLCN185 |
| 5 | 2001230136 | Nguyễn Thị Thuỳ | Dương | 14DHTH05 | | |
| 6 | 2001230634 | La Thuận | Phát | 14DHTH11 | | |
| 7 | 2001230126 | Nguyễn Lê Hoàng | Duy | 14DHTH05 | Quản lý chuỗi cửa hàng vật tư nông nghiệp | CNTT-KLCN186 |
| 8 | 2001230227 | Lý Vũ Nhân | Hậu | 14DHTH15 | | |
| 9 | 2001230640 | Nguyễn Đức Thành | Phát | 14DHTH06 | | |
| 10 | 2001230210 | Nguyễn Văn | Hào | 14DHTH12 | Xây dựng hệ thống quản lý hồ sơ nghiên cứu khoa học của giảng viên | CNTT-KLCN187 |
| 11 | 2001230431 | Châu Thanh | Lâm | 14DHTH07 | | |
| 12 | 2001230655 | Nguyễn Tuyết | Phi | 14DHTH07 | | |
| 13 | 2001230077 | Bùi Thị Minh | Châu | 14DHTH16 | Xây dựng hệ thống quản lý công tác cố vấn | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | 2001230553 | Nguyễn Đan Thiên | Ngân | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống quản lý công tác cố vấn học tập tại trường ĐH Công Thương TPHCM | CNTT-KLCN188 |
| 15 | 2001230949 | Nguyễn Thị Minh | Thùy | 14DHTH05 | | |
| 16 | 2001230083 | Nguyễn Thị Kim | Chi | 14DHTH14 | Xây dựng hệ thống quản lý công tác thực tập tốt nghiệp tại khoa CNTT | CNTT-KLCN189 |
| 17 | 2001230092 | Nguyễn Huỳnh Thành | Danh | 14DHTH02 | | |
| 18 | 2001230130 | Lê Thị Mỷ | Duyên | 14DHTH14 | | |
| 19 | 2001230340 | Đặng Thanh | Hữu | 14DHTH10 | Xây dựng hệ thống quản lý công tác học thuật tại khoa CNTT | CNTT-KLCN190 |
| 20 | 2001230842 | Hoàng Đức | Tú | 14DHTH10 | | |
| 21 | 2001230896 | Ngô Tiến | Thành | 14DHTH10 | | |
| 22 | 2001230666 | Vũ Tuấn | Phong | 14DHTH08 | Xây dựng hệ thống quản lý công tác đánh giá học phần theo chuẩn đầu ra | CNTT-KLCN191 |
| 23 | 2001230689 | Trần Lư Minh | Phúc | 14DHTH15 | | |
| 24 | 2001230944 | Phạm Đặng Gia | Thuận | 14DHTH08 | | |
| 25 | 2001230180 | Lương Viễn | Đông | 14DHTH01 | Xây dựng hệ thống quản lý tour du lịch | CNTT-KLCN192 |
| 26 | 2001230341 | Tô Vương Gia | Hữu | 14DHTH02 | | |
| 27 | 2001230844 | Trần Anh | Tú | 14DHTH10 | | |
| 28 | 2001220934 | Nguyễn Tiến | Đạt | 13DHTH02 | Xây dựng hệ thống quản lý hợp đồng bảo hiểm nhân thọ Prudential | CNTT-KLCN193 |
| 29 | 2001230111 | Bùi Đức | Duy | 14DHTH10 | | |
| 30 | 2001230533 | Vũ Ngọc Trung | Nam | 14DHTH02 | | |
| **XIV** | **01001012** | **Mạnh Thiên** | **Lý** | | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2001230303 | Võ Huỳnh Gia | Huy | 14DHTH10 | Xây dựng hệ thống quản lý Trung tâm Mỹ thuật sáng tạo | CNTT-KLCN082 |
| 2 | 2001230449 | Lê Hoàng Bảo | Long | 14DHTH10 | | |
| 3 | 2001230457 | Huỳnh Bảo | Long | 14DHTH10 | | |
| 4 | 2001230051 | Nguyễn Hoài | Bảo | 14DHTH03 | Xây dựng hệ thống quản lý Spa | CNTT-KLCN083 |
| 5 | 2001230507 | Nhan Tử | Mạnh | 14DHTH01 | | |
| 6 | 2001230978 | Trần Trọng | Trí | 14DHTH01 | | |
| 7 | 2001230167 | Nguyễn Phạm Huỳnh | Đạt | 14DHTH08 | Xây dựng hệ thống quản lý cửa hàng thời trang | CNTT-KLCN084 |
| 8 | 2001230351 | Võ Tuấn | Kiệt | 14DHTH11 | | |
| 9 | 2001231056 | Vương Anh | Vũ | 14DHTH01 | | |
| 10 | 2001230757 | Huỳnh Quang | Sang | 14DHTH13 | Xây dựng hệ thống cung cấp thực phẩm Organic | CNTT-KLCN085 |
| 11 | 2001230915 | Phan Đức | Thể | 14DHTH13 | | |
| 12 | 2001231033 | Đỗ Trọng | Vĩ | 14DHTH06 | | |
| 13 | 2001230388 | Nguyễn Phi | Khanh | 14DHTH04 | Xây dựng hệ thống cung cấp dịch vụ giúp việc theo giờ | CNTT-KLCN086 |
| 14 | 2001230437 | Nguyễn Vương | Lê | 14DHTH04 | | |
| 15 | 2001230494 | Nguyễn Ngân | Lượng | 14DHTH04 | | |
| 16 | 2001230197 | Vũ Trường | Giang | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống Quản lý khu vui chơi trẻ em | CNTT-KLCN087 |
| 17 | 2001230404 | Nguyễn Phong | Khoa | 14DHTH13 | | |
| 18 | 2001231035 | Trần Đặng Ngọc | Viên | 14DHTH16 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 2001230708 | Lê Văn | Qua | 14DHTH01 | Xây dựng phần mềm Quản lý khu chung cư | CNTT-KLCN088 |
| 20 | 2001230851 | Đoàn Trần Thành | Tuấn | 14DHTH01 | | |
| 21 | 2001230852 | Nguyễn Quốc | Tuấn | 14DHTH11 | | |
| 22 | 2001230337 | Phạm Thị Thanh | Hương | 14DHTH01 | Xây dựng hệ thống giới thiệu và cung cấp các sản phẩm thủ công mỹ nghệ Việt Nam | CNTT-KLCN089 |
| 23 | 2001230591 | Huỳnh Minh | Nguyệt | 14DHTH01 | | |
| 24 | 2001230619 | Võ Thị Yến | Nhi | 14DHTH01 | | |
| 25 | 2001230038 | Diệp Nguyễn Gia | Bảo | 14DHTH07 | Xây dựng hệ thống Quản lý tiêm chủng tại Trung tâm tiêm chủng | CNTT-KLCN090 |
| 26 | 2001230158 | Ngô Thành | Đạt | 14DHTH10 | | |
| 27 | 2001230742 | Nguyễn Ngọc | Quý | 14DHTH06 | | |
| **XV** | **01001013** | **Lâm Thị Họa** | **Mi** | | | |
| 1 | 2001230339 | Trần Xuân | Hướng | 14DHTH07 | Xây dựng hệ thống quản lý bài báo khoa học cho Tạp chí Khoa học và Công nghệ của Trường Đại học | CNTT-KLCN011 |
| 2 | 2001230444 | Lưu Đức | Linh | 14DHTH07 | | |
| 3 | 2001230918 | Đặng Thành | Thi | 14DHTH03 | | |
| 4 | 2001230402 | Trần Anh | Khoa | 14DHTH08 | Xây dựng hệ thống quản lý và thi trắc nghiệm trực tuyến | CNTT-KLCN012 |
| 5 | 2001230783 | Nguyễn Thanh | Tâm | 14DHTH05 | | |
| 6 | 2001230866 | Lê Thanh | Tùng | 14DHTH05 | | |
| 7 | 2001230317 | Lê Thị Thanh | Huyền | 14DHTH14 | Xây dựng hệ thống quản lý Trung tâm Ngoại ngữ | CNTT-KLCN013 |
| 8 | 2001230318 | Trần Ngọc Trúc | Huỳnh | 14DHTH14 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 2001230895 | Nguyễn Văn | Thành | 14DHTH14 | | |
| 10 | 2001230107 | Nguyễn Vũ Quang | Duy | 14DHTH11 | Xây dựng hệ thống quản lý trường mầm non | CNTT-KLCN014 |
| 11 | 2001230740 | Phùng Quan | Quy | 14DHTH11 | | |
| 12 | 2001230999 | Phùng Chí | Trung | 14DHTH11 | | |
| 13 | 2001230079 | Nguyễn Thị Bảo | Châu | 14DHTH16 | Xây dựng hệ thống quản lý và kết nối đặt chỗ Homestay | CNTT-KLCN015 |
| 14 | 2001230290 | Nguyễn Quang | Huy | 14DHTH10 | | |
| 15 | 2001231020 | Trần Nhật | Trường | 14DHTH02 | | |
| 16 | 2001230178 | Nguyễn Xuân | Định | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống cho thuê xe tự lái | CNTT-KLCN016 |
| 17 | 2001230181 | Nguyễn Quang Phương | Đông | 14DHTH05 | | |
| 18 | 2001230629 | Hồ Ngọc Phương | Như | 14DHTH04 | | |
| 19 | 2001230346 | Hoàng Tuấn | Kiệt | 14DHTH03 | Xây dựng hệ thống quản lý dịch vụ xét nghiệm y khoa | CNTT-KLCN017 |
| 20 | 2001230825 | Huỳnh Phước | Toàn | 14DHTH12 | | |
| 21 | 2001230889 | Trần Công | Thành | 14DHTH12 | | |
| 22 | 2001230280 | Phan Đoàn Bách | Hợp | 14DHTH14 | Xây dựng ứng dụng quản lý công việc tại Khoa CNTT | CNTT-KLCN018 |
| 23 | 2001230565 | Huỳnh Tuấn | Ngọc | 14DHTH05 | | |
| 24 | 2001230569 | Nguyễn Quang | Ngọc | 14DHTH15 | | |
| 25 | 2001230817 | Chung Vĩ | Tín | 14DHTH14 | Nghiên cứu khai thác mẫu tuần tự hữu ích và ứng dụng trong hệ gợi ý | CNTT-KLCN019 |
| 26 | 2001230821 | Phạm Văn | Tịnh | 14DHTH14 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 27 | 2001231018 | Võ Nguyễn Xuân | Trường | 14DHTH14 | | |
| **XVI** | **01001015** | **Nguyễn Thị Bích** | **Ngân** | | | |
| | **TG00001189** | **Châu Văn** | **Thịnh** | | | |
| 1 | 2001230746 | Bùi Gia | Quyền | 14DHTH02 | Phát triển hệ thống thương mại điện tử cho chuỗi cửa hàng bán mỹ phẩm tích hợp chatbot AI chăm sóc tư vấn khách hàng | CNTT-KLCN075 |
| 2 | 2001230774 | Nguyễn Thành | Tài | 14DHTH02 | | |
| 3 | 2001231002 | Mai Đức | Trung | 14DHTH04 | | |
| 4 | 2001230328 | Quang Nhật | Hưng | 14DHTH07 | Xây dựng hệ thống quản lý khóa học và học tập e-learning | CNTT-KLCN071 |
| 5 | 2001230359 | Nguyễn Châu | Kha | 14DHTH02 | | |
| 6 | 2001230863 | Nguyễn Văn Anh | Tuấn | 14DHTH01 | | |
| **XVII** | **01001015** | **Nguyễn Thị Bích** | **Ngân** | | | |
| | **TG00000936** | **Nguyễn Thanh** | **Phong** | | | |
| 1 | 2001230956 | Nguyễn Minh | Thư | 14DHTH11 | Xây dựng hệ thống quản lý khám chữa bệnh, tích hợp AI hỗ trợ một số nghiệp vụ phân loại và điều phối lịch khám tại bệnh viện. | CNTT-KLCN081 |
| 2 | 2001230962 | Phùng Phạm Minh | Thư | 14DHTH01 | | |
| 3 | 2001231012 | Trần Võ Đình | Trung | 14DHTH11 | | |
| 4 | 2001230524 | Lê Văn | Minh | 14DHTH01 | Xây dựng hệ thống quản lý phóng viên đăng ký sự kiện tại Trung tâm báo chí TPHCM | CNTT-KLCN072 |
| 5 | 2001230550 | Nguyễn | Ngà | 14DHTH01 | | |
| 6 | 2001230899 | Nguyễn Hoàng | Thành | 14DHTH01 | | |
| 7 | 2001230200 | Nguyễn Trọng | Giáp | 14DHTH02 | Phát triển website bán hàng thời trang tích | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | 2001230586 | Đặng Trung | Nguyên | 14DHTH02 | Phát triển website bán hàng thời trang tích hợp hệ thống khuyến nghị chọn sản phẩm dựa trên học sâu | CNTT-KLCN073 |
| 9 | 2001230903 | Đỗ Ngọc | Thảo | 14DHTH02 | | |
| 10 | 2001230025 | Võ Quyền | Anh | 14DHTH01 | Phát triển ứng dụng di động hỗ trợ tài xế lái xe an toàn | CNTT-KLCN074 |
| 11 | 2001230608 | Thân Thị Ánh | Nhật | 14DHTH02 | | |
| 12 | 2001230994 | Phạm Thanh | Trúc | 14DHTH05 | | |
| **XVIII** | **01001015** | **Nguyễn Thị Bích** | **Ngân** | | | |
| | **TG00001193** | **Nguyễn Trần Duy** | **Khang** | | | |
| 1 | 2001230894 | Đinh Tấn | Thành | 14DHTH09 | Phát triển hệ thống web-app chia sẻ thông tin và đánh giá các địa điểm vui chơi, ăn uống và du lịch | CNTT-KLCN076 |
| 2 | 2001230913 | Dương Đức | Thắng | 14DHTH09 | | |
| 3 | 2001230938 | Bùi Tấn | Thông | 14DHTH09 | | |
| 4 | 2001230841 | Hồ Ngọc | Tú | 14DHTH07 | Xây dựng hệ thống phần mềm đặt lịch hẹn làm đẹp | CNTT-KLCN077 |
| 5 | 2001230875 | Nguyễn Văn | Thái | 14DHTH10 | | |
| 6 | 2001230891 | Trần Quang | Thành | 14DHTH10 | | |
| 7 | 2001230260 | Huỳnh Trần Kim | Hoàn | 14DHTH08 | Xây dựng hệ thống phần mềm đặt lịch khám bệnh | CNTT-KLCN078 |
| 8 | 2001230614 | Lê Thị Yến | Nhi | 14DHTH16 | | |
| 9 | 2001230901 | Phạm Phương | Thảo | 14DHTH02 | | |
| 10 | 2001230310 | Mai Nhật | Huy | 14DHTH08 | Hệ thống  phần mềm đặt lịch và quản lý dịch vụ sửa chữa xe hơi của  Garage đa chi nhánh | CNTT-KLCN079 |
| 11 | 2001230723 | Nguyễn Phạm Minh | Quân | 14DHTH08 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | 2001230761 | Lương Duy | Sơn | 14DHTH03 | | |
| 13 | 2001230185 | Bùi Trung | Đức | 14DHTH06 | Xây dựng hệ thống phần mềm Freelancer Marketplace | CNTT-KLCN080 |
| 14 | 2001230679 | Phạm Hoàng | Phúc | 14DHTH16 | | |
| 15 | 2001230729 | Lê Nguyễn Gia | Quân | 14DHTH16 | | |
| **XIX** | **01001015** | **Nguyễn Thị Bích** | **Ngân** | | | |
| | **TG00000936** | **Nguyễn Thanh** | **Phong** | | | |
| 1 | 2001230114 | Phạm Phương Thế | Duy | 14DHTH06 | Phát triển ứng dụng mobile hỗ trợ chăm sóc sức khoẻ cá nhân có tích hợp AI | CNTT-KLCN391 |
| 2 | 2001230636 | Mai Hưng | Phát | 14DHTH12 | | |
| 3 | 2001230936 | Phạm Duy | Thông | 14DHTH12 | | |
| **XX** | **01001019** | **Trần Văn** | **Thọ** | | | |
| 1 | 2001230215 | Nguyễn Hữu | Hảo | 14DHTH08 | Hệ thống giám sát và quản lý tác phong sinh viên thông minh | CNTT-KLCN097 |
| 2 | 2001230735 | Nguyễn Minh | Quí | 14DHTH14 | | |
| 3 | 2001230950 | Lê Ngọc Phương | Thùy | 14DHTH14 | | |
| 4 | 2001230479 | Đặng Duy | Lợi | 14DHTH07 | Nền tảng quản lý phòng khám đa khoa và đặt lịch khám trực tuyến | CNTT-KLCN098 |
| 5 | 2001230675 | Phan Tại | Phú | 14DHTH12 | | |
| 6 | 2001230807 | Bùi Quang | Tiến | 14DHTH12 | | |
| 7 | 2001230096 | Phạm Qui | Dân | 14DHTH10 | Nền tảng kết nối và quản lý điều phối giao hàng chặng cuối (Last-mile Logistics) | CNTT-KLCN099 |
| 8 | 2001231004 | Nguyễn Quốc | Trung | 14DHTH10 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 2001231026 | Nguyễn Thành | Văn | 14DHTH10 | | |
| 10 | 2001230628 | Lê Phạm Chân | Như | 14DHTH05 | Hệ thống đấu giá nông sản trực tuyến hỗ trợ kết nối nông dân và doanh nghiệp | CNTT-KLCN100 |
| 11 | 2001230781 | Nguyễn Chí | Tâm | 14DHTH13 | | |
| 12 | 2001230793 | Nguyễn Thành | Tân | 14DHTH13 | | |
| 13 | 2001230600 | Nguyễn Trọng | Nhân | 14DHTH09 | Hệ thống quản lý bãi đỗ xe thông minh ứng dụng nhận diện biển số | CNTT-KLCN101 |
| 14 | 2001230700 | Trương Tô Đình | Phước | 14DHTH01 | | |
| 15 | 2001230931 | Lục Xuân | Thịnh | 14DHTH01 | | |
| **XXI** | **01001020** | **Dương Thị Mộng** | **Thùy** | | | |
| 1 | 2001230240 | Lều Công Trung | Hiếu | 14DHTH16 | Xây dựng hệ thống quản lý lớp học trực tuyến | CNTT-KLCN062 |
| 2 | 2001230286 | Lương Tấn | Hùng | 14DHTH03 | | |
| 3 | 2001230334 | Lê Nguyễn Việt | Hưng | 14DHTH16 | | |
| 4 | 2001230235 | Hồ Hoàng | Hiếu | 14DHTH04 | Xây dựng ứng dụng quản lý lớp học chứng chỉ | CNTT-KLCN063 |
| 5 | 2001230546 | Giêng Phát | Ninh | 14DHTH04 | | |
| 6 | 2001230719 | Đoàn Nhật | Quân | 14DHTH04 | | |
| 7 | 2001230048 | Đỗ Gia | Bảo | 14DHTH03 | Xây dựng ứng dụng quản lý sinh viên tích hợp nhận diện khuôn mặt | CNTT-KLCN064 |
| 8 | 2001230234 | Vũ Mạnh | Hiệp | 14DHTH03 | | |
| 9 | 2001230370 | Lê Hoàng | Khang | 14DHTH03 | | |
| 10 | 2001230625 | Bùi Phụ | Nhiên | 14DHTH08 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | 2001230752 | Lê Văn | Sang | 14DHTH08 | Xây dựng ứng dụng quản lý cửa hàng đồ chơi trẻ em | CNTT-KLCN065 |
| 12 | 2001231071 | Nguyễn Huỳnh Gia | Vỹ | 14DHTH08 | | |
| 13 | 2001230372 | Lê Lưu Gia | Khang | 14DHTH06 | Xây dựng ứng dụng quản lý nhà hàng | CNTT-KLCN066 |
| 14 | 2001230389 | Phạm Gia | Khánh | 14DHTH10 | | |
| 15 | 2001230543 | La Văn | Nam | 14DHTH11 | | |
| 16 | 2001230037 | Nguyễn Thái | Bảo | 14DHTH11 | Xây dựng ứng dụng quản lý cửa hàng vật liệu xây dựng | CNTT-KLCN067 |
| 17 | 2001230156 | Nguyễn Đăng | Đạt | 14DHTH11 | | |
| 18 | 2001231007 | Huỳnh Thế | Trung | 14DHTH11 | | |
| 19 | 2001230044 | Nguyễn Gia | Bảo | 14DHTH12 | Xây dựng ứng dụng quản lý cửa hàng mỹ phẩm | CNTT-KLCN068 |
| 20 | 2001230526 | Tạ Hoàng | Minh | 14DHTH06 | | |
| 21 | 2001230849 | Trần Anh | Tuấn | 14DHTH05 | | |
| 22 | 2001230203 | Nguyễn Văn | Hải | 14DHTH09 | Xây dựng ứng dụng quản lý dịch vụ ăn uống | CNTT-KLCN069 |
| 23 | 2001230335 | Khưu Mai | Hưng | 14DHTH02 | | |
| 24 | 2001230609 | Nguyễn Hoàng Minh | Nhật | 14DHTH14 | | |
| 25 | 2001230062 | Lê Văn Nguyên | Bình | 14DHTH03 | Xây dựng ứng dụng quản lý tour du lịch | CNTT-KLCN070 |
| 26 | 2001230230 | Nguyễn Minh | Hiền | 14DHTH13 | | |
| 27 | 2001230847 | Nguyễn Anh | Tuấn | 14DHTH13 | | |
| **XXII** | **01001021** | **Nguyễn Thị Thanh** | **Thủy** | | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2001230957 | Nguyễn Ngọc Anh | Thư | 14DHTH10 | Hệ thống quản lý dịch vụ chăm sóc thú cưng | CNTT-KLCN204 |
| 2 | 2001230986 | Trịnh Trinh | Trinh | 14DHTH07 | | |
| 3 | 2001231068 | Nguyễn Thị Yến | Vy | 14DHTH13 | | |
| 4 | 2001230080 | Tạ Thị Minh | Châu | 14DHTH09 | Hệ thống quản lý kho hàng và vận tải nội bộ doanh nghiệp | CNTT-KLCN205 |
| 5 | 2001230466 | Nguyễn Tấn | Lộc | 14DHTH07 | | |
| 6 | 2001231061 | Hoàng Trọng | Vững | 14DHTH03 | | |
| 7 | 2001230627 | Nguyễn Kiều | Như | 14DHTH07 | Hệ thống quản lý cửa hàng giặt ủi | CNTT-KLCN206 |
| 8 | 2001230874 | Trần Ngọc | Thái | 14DHTH07 | | |
| 9 | 2001231006 | Trần Diệp Minh | Trung | 14DHTH07 | | |
| 10 | 2001230065 | Võ Minh | Cảnh | 14DHTH02 | Xây dựng nền tảng mạng xã hội số dành cho sinh viên Trường Đại học Công Thương TP.HCM | CNTT-KLCN207 |
| 11 | 2001230592 | Hồ Thị Thanh | Nhã | 14DHTH03 | | |
| 12 | 2001230786 | Phạm Nguyễn Duy | Tâm | 14DHTH03 | | |
| 13 | 2001230573 | Huỳnh Thị Bích | Ngọc | 14DHTH01 | Xây dựng website thương mại điện tử mua bán thực phẩm cận hạn | CNTT-KLCN208 |
| 14 | 2001230751 | Lê Thị Như | Quỳnh | 14DHTH01 | | |
| 15 | 2001230934 | Nguyễn Ngọc | Thịnh | 14DHTH13 | | |
| 16 | 2001230054 | Trần Ngọc | Bích | 14DHTH03 | Xây dựng ứng dụng hỗ trợ tuyển dụng và tìm việc làm | CNTT-KLCN209 |
| 17 | 2001230924 | Phạm Minh | Thiện | 14DHTH05 | | |
| 18 | 2001230973 | Trần Ngọc Minh | Trân | 14DHTH04 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 2001230020 | Bùi Ngọc Lan | Anh | 14DHTH07 | Nghiên cứu và xây dựng hệ thống phát hiện và phân loại lỗi ngoại quan sản phẩm bằng thị giác máy tính | CNTT-KLCN210 |
| 20 | 2001230664 | Nguyễn Hoài | Phong | 14DHTH07 | | |
| 21 | 2001230788 | Nguyễn Đức | Tâm | 14DHTH07 | | |
| 22 | 2001230692 | Võ Đức | Phúc | 14DHTH11 | Nghiên cứu kết hợp QLoRA và RAG trên mô hình ngôn ngữ lớn cho chatbot tiếng Việt hỗ trợ dịch vụ hành chính công | CNTT-KLCN213 |
| 23 | 2001230778 | Hứa Quang | Tâm | 14DHTH10 | | |
| 24 | 2001230893 | Tô Trương Trường | Thành | 14DHTH07 | | |
| **XXIII** | **01001023** | **Trần Thị Bích** | **Vân** | | | |
| 1 | 2001230168 | Nguyễn Thành | Đạt | 14DHTH01 | Triển khai giải pháp xác thực an toàn sử dụng TOTP và xác thực đa kênh cho ứng dụng Web | CNTT-KLCN361 |
| 2 | 2001230309 | Lê Quốc | Huy | 14DHTH16 | | |
| 3 | 2001230797 | Nguyễn Thị Đông | Tiền | 14DHTH11 | | |
| **XXIV** | **01001026** | **Bùi Công** | **Danh** | | | |
| 1 | 2001230641 | Nguyễn Thành | Phát | 14DHTH11 | Hỗ trợ quản lý hồ sơ khoa học công nghệ bằng phương pháp phân loại tự động và phát hiện bất thường | CNTT-KLCN001 |
| 2 | 2001230669 | Lê Thanh | Phong | 14DHTH10 | | |
| 3 | 2001230767 | Nguyễn Thành | Tài | 14DHTH13 | | |
| 4 | 2001230257 | Đặng Nguyên | Hoài | 14DHTH13 | Nghiên cứu học tăng cường và mô hình tạo sinh trong tối ưu hóa tương tác dài hạn của hệ thống gợi ý | CNTT-KLCN096 |
| 5 | 2001230805 | Nguyễn Văn | Tiến | 14DHTH13 | | |
| 6 | 2001231005 | Lê Quốc | Trung | 14DHTH09 | | |
| **XXV** | **01001028** | **Vũ Đức** | **Thịnh** | | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| XXV | **01001053** | **Lê Tỷ** | **Khánh** | | | |
| 1 | 2001230435 | Nguyễn Khánh | Lâm | 14DHTH06 | Xây dựng hệ thống quản lý học tập tích hợp tính năng phát hiện và nhận diện khuôn mặt (FaceID) để quản lý lớp học | CNTT-KLCN360 |
| 2 | 2001230531 | Phạm Nhật | Nam | 14DHTH11 | | |
| 3 | 2001230888 | Nguyễn Hữu | Thành | 14DHTH15 | | |
| **XXVI** | **01001045** | **Trần Việt** | **Hùng** | | | |
| 1 | 2001230275 | Nguyễn Phi | Hoàng | 14DHTH05 | Thiết kế hệ thống Web3 hỗ trợ giảng viên | CNTT-KLCN128 |
| 2 | 2001230523 | Nguyễn Nhật | Minh | 14DHTH12 | | |
| 3 | 2001230525 | Võ Văn | Minh | 14DHTH07 | | |
| 4 | 2001220389 | Nguyễn Viết An | Bình | 13DHTH09 | Thiết kế hệ thống Web3 hỗ trợ thực tập sinh | CNTT-KLCN129 |
| 5 | 2001225688 | Phạm Huy | Trung | 13DHTH09 | | |
| 6 | 2001230076 | Trần Khoa | Chánh | 14DHTH10 | | |
| 7 | 2001223311 | Trần Thị Yến | Nhi | 13DHTH02 | Thiết kế Web3 chuyển đổi số giáo dục phổ thông | CNTT-KLCN130 |
| 8 | 2001230587 | Trần Bảo | Nguyên | 14DHTH16 | | |
| 9 | 2001230704 | Trần Thị Minh | Phương | 14DHTH16 | | |
| 10 | 2001230199 | Đặng Quốc | Giáp | 14DHTH10 | Xây dựng Chat bot hỗ trợ đánh giá năng lực học sinh | CNTT-KLCN131 |
| 11 | 2001230809 | Phan Văn Nhật | Tiến | 14DHTH15 | | |
| 12 | 2001230859 | Hoàng Anh | Tuấn | 14DHTH15 | | |
| 13 | 2001230252 | Nguyễn Thái | Hòa | 14DHTH09 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | 2001230265 | Phạm Việt | Hoàng | 14DHTH09 | Xây dựng Chat bot chuyên đổi sô quản lý nhân sự | CNTT-KLCN133 |
| 15 | 2001230659 | Nguyễn Ngọc | Phi | 14DHTH10 | | |
| 16 | 2001230099 | Lê Đỗ Quang | Dũng | 14DHTH14 | Thiết kế hệ thống AI giám sát chấm công | CNTT-KLCN134 |
| 17 | 2001230736 | Lê Hồng | Quốc | 14DHTH14 | | |
| 18 | 2001230762 | Đặng Đình | Sơn | 14DHTH14 | | |
| **XXVII** | **01001046** | **Lê Thị Thuỳ** | **Lan** | | | |
| 1 | 2001230453 | Lê Minh | Long | 14DHTH13 | Xây dựng hệ thống quản lý và khuyến nghị đặt tiệc cưới tại Chuỗi trung tâm hội nghị tiệc cưới Riverside Palace | CNTT-KLCN257 |
| 2 | 2001230459 | Lê Huỳnh Bảo | Long | 14DHTH06 | | |
| 3 | 2001230488 | Nguyễn Văn | Luận | 14DHTH13 | | |
| 4 | 2001230361 | Nguyễn Trọng | Khải | 14DHTH14 | Xây dựng hệ thống quản lý và khuyến nghị sản phẩm chăm sóc da tại Chuỗi cửa hàng Hasaki Beauty & Clinic | CNTT-KLCN258 |
| 5 | 2001230714 | Trần Võ Nhựt | Quang | 14DHTH14 | | |
| 6 | 2001230926 | Nguyễn Minh | Thiện | 14DHTH14 | | |
| 7 | 2001230702 | Phan Hoàng | Phước | 14DHTH12 | Xây dựng hệ thống quản lý và khuyến nghị mua sắm thiết bị công nghệ tại Hệ thống Thế Giới Di Động | CNTT-KLCN259 |
| 8 | 2001230713 | Trương Trọng | Quang | 14DHTH09 | | |
| 9 | 2001231074 | Lê Ẩn Hoàng | Ý | 14DHTH09 | | |
| 10 | 2001230120 | Trần Nguyễn Khánh | Duy | 14DHTH13 | Xây dựng ứng dụng quản lý và khuyến nghị lộ trình học tập dựa trên khai thác mẫu tuần tự tại Nền tảng học trực tuyến Vedu | CNTT-KLCN260 |
| 11 | 2001230923 | Phan Minh | Thiện | 14DHTH15 | | |
| 12 | 2001230942 | Trương Hoàng | Thời | 14DHTH15 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | 2001230152 | Nguyễn Cao Duy | Đạt | 14DHTH04 | Xây dựng ứng dụng nghe nhạc trực tuyến và khuyến nghị bài hát dựa trên mẫu tuần tự hữu ích cao tại Nền tảng Zing MP3 | CNTT-KLCN261 |
| 14 | 2001230183 | Phạm Nguyễn Khánh | Đông | 14DHTH04 | | |
| 15 | 2001230667 | Nguyễn Vũ | Phong | 14DHTH04 | | |
| **XXVIII** | **01001048** | **Phùng Thế** | **Bảo** | | | |
| | **01001055** | **Nguyễn Huy** | **Liêm** | | | |
| 1 | 2001230161 | Nguyễn Tiến | Đạt | 14DHTH12 | Ứng dụng học máy và lập trình ràng buộc trong dự báo độ trễ chuyến bay và tối ưu tái phân bổ cổng đỗ tàu bay | CNTT-KLCN168 |
| 2 | 2001230212 | Đặng Gia | Hào | 14DHTH12 | | |
| 3 | 2001230225 | Nguyễn Văn | Hậu | 14DHTH12 | | |
| **XXIX** | **01001048** | **Phùng Thế** | **Bảo** | | | |
| | **01001056** | **Lê Trần Minh** | **Đạt** | | | |
| 4 | 2001230632 | Diêm Thị Kiều | Oanh | 14DHTH16 | Ứng dụng học sâu trong nhận diện và phân loại tổn thương đường tiêu hóa từ ảnh nội soi | CNTT-KLCN169 |
| 5 | 2001230653 | Lê Huy | Phát | 14DHTH10 | | |
| 6 | 2001230960 | Phan Anh | Thư | 14DHTH16 | | |
| 7 | 2001230352 | Trần Văn | Kiệt | 14DHTH15 | Nghiên cứu cơ chế điều phối thích ứng trong hệ thống agentic rag tích hợp Corrective Rag hỗ trợ tra cứu pháp luật lao động Việt Nam | CNTT-KLCN170 |
| 8 | 2001230442 | Nguyễn Ngọc Yến | Linh | 14DHTH06 | | |
| 9 | 2001231065 | Lê Hữu Thanh | Vy | 14DHTH09 | | |
| **XXX** | **01001048** | **Phùng Thế** | **Bảo** | | | |
| | **01001057** | **Đỗ Trung** | **Dũng** | | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | 2001230245 | Trịnh Minh | Hiếu | 14DHTH04 | Nghiên cứu phương pháp ensemble thích ứng giữa CNN và Vision Transformer trong nhận diện viêm phổi từ ảnh X-quang ngực | CNTT-KLCN171 |
| 11 | 2001230377 | Nguyễn Gia | Khang | 14DHTH04 | | |
| 12 | 2001230785 | Phan Minh | Tâm | 14DHTH03 | | |
| 13 | 2001230598 | Mai Nguyễn Hoàng | Nhân | 14DHTH10 | Nghiên cứu phương pháp nhận diện khuôn mặt thích nghi theo chất lượng ảnh với ngưỡng cá nhân hóa và cập nhật đặc trưng có kiểm soát cho hệ thống điểm danh sinh viên | CNTT-KLCN172 |
| 14 | 2001230635 | Nguyễn Thành | Phát | 14DHTH05 | | |
| 15 | 2001230902 | Nguyễn Thị Phương | Thảo | 14DHTH16 | | |
| **XXXI** | **01001048** | **Phùng Thế** | **Bảo** | | | |
| | **01001074** | **Đỗ Tiến** | **Thành** | | | |
| 16 | 2001230621 | Giang Bội | Nhi | 14DHTH09 | Lexilingo: đề xuất kiến trúc TRACE-CAG tích hợp đồ thị tri thức người học nhằm sinh phản hồi cá nhân hóa và xây dựng nền tảng học tiếng Anh | CNTT-KLCN173 |
| 17 | 2001230909 | Nguyễn Hữu | Thắng | 14DHTH15 | | |
| 18 | 2001230954 | Nguyễn Trần Anh | Thư | 14DHTH09 | | |
| 19 | 2001230773 | Nguyễn Thành | Tài | 14DHTH05 | Phương pháp lai kết hợp đặc trưng không gian và tín hiệu sinh lý để phát hiện Deepfake sử dụng  mô hình học sâu và rPPG | CNTT-KLCN174 |
| 20 | 2001230791 | Đoàn Tấn Minh | Tân | 14DHTH15 | | |
| 21 | 2001230933 | Phan Sĩ | Thịnh | 14DHTH05 | | |
| **XXXII** | **01001048** | **Phùng Thế** | **Bảo** | | | |
| 22 | 2001230806 | Phan Minh | Tiến | 14DHTH16 | Nghiên cứu mô hình donut ocr-free trong trích xuất thông tin hóa đơn tiếng Việt và ứng dụng trong quản lý tài chính cá nhân | CNTT-KLCN175 |
| 23 | 2001230855 | Phạm Anh | Tuấn | 14DHTH11 | | |
| 24 | 2001230977 | Phan Thanh | Trí | 14DHTH16 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | 2001230665 | Nguyễn Thanh | Phong | 14DHTH11 | Nghiên cứu mô hình lai PPO và cây hành vi trong điều khiển boss thích ứng cho game kinh dị 3D | CNTT-KLCN176 |
| 26 | 2001230794 | Võ Thành | Tân | 14DHTH10 | | |
| 27 | 2001230881 | Nguyễn Trần Đình | Thanh | 14DHTH11 | | |
| 28 | 2001230872 | Nguyễn Hoàng Thành | Tỷ | 14DHTH06 | Nghiên cứu mô hình phobert kết hợp Multi-kernel CNN và cơ chế chú ý trong phân loại mức độ cảm xúc của bình luận thương mại điện tử tiếng Việt | CNTT-KLCN177 |
| 29 | 2001231027 | Từ Hào | Văn | 14DHTH06 | | |
| 30 | 2001231047 | Châu Gia | Vinh | 14DHTH07 | | |
| 31 | 2001230228 | Phạm Lê | Hậu | 14DHTH15 | Nghiên cứu và đánh giá mô hình học sâu trong nhận diện bệnh lá ngô | CNTT-KLCN178 |
| 32 | 2001231037 | Trần Quốc | Việt | 14DHTH06 | | |
| 33 | 2001231059 | Lô Hoàng | Vũ | 14DHTH02 | | |
| 34 | 2001230514 | Nguyễn Quang | Minh | 14DHTH16 | Nghiên cứu mô hình học sâu kết hợp YOLO và swin transformer trong phát hiện và phân loại nhiều món ăn Việt Nam từ hình ảnh | CNTT-KLCN179 |
| 35 | 2001230631 | Đặng Anh | Nhựt | 14DHTH16 | | |
| 36 | 2001230900 | Phạm Nguyễn Phương | Thảo | 14DHTH14 | | |
| 37 | 2001230061 | Đinh Lê Quốc | Bình | 14DHTH14 | Nghiên cứu mô hình MLP kết hợp luật chuyên gia trong gợi ý dinh dưỡng và vận động cá nhân hóa dựa trên hồ sơ thể chất và lối sống | CNTT-KLCN180 |
| 38 | 2001230108 | Nguyễn An | Duy | 14DHTH14 | | |
| 39 | 2001230323 | Trần Khánh | Hưng | 14DHTH14 | | |
| 40 | 2001230258 | Hoàng Văn | Hoan | 14DHTH16 | Xây dựng hệ thống đặt món web–kiosk tích hợp gợi ý món ăn dựa trên luật kết hợp cho cửa hàng thức ăn nhanh | CNTT-KLCN181 |
| 41 | 2001230301 | Nguyễn Quốc | Huy | 14DHTH15 | | |
| 42 | 2001231050 | Phạm Quốc | Vũ | 14DHTH02 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 43 | 2001230312 | Phùng Tuấn | Huy | 14DHTH13 | Nghiên cứu phương pháp tích hợp VMamba vào mô hình YOLO26-seg trong phân đoạn polyp từ ảnh nội soi đại trực tràng | CNTT-KLCN182 |
| 44 | 2001230490 | Lê Đức | Lương | 14DHTH09 | | |
| 45 | 2001230830 | Trần Mạnh | Toàn | 14DHTH09 | | |
| 46 | 2001230451 | Nguyễn Kim | Long | 14DHTH03 | Ứng dụng mô hình học sâu trong phân loại bệnh trên lá cây điều | CNTT-KLCN183 |
| 47 | 2001230461 | Bùi Quang | Long | 14DHTH14 | | |
| 48 | 2001230769 | Nguyễn Tiến | Tài | 14DHTH03 | | |
| **XXXIII** | **01001051** | **Đinh Thị** | **Tâm** | | | |
| 1 | 2001230498 | Nguyễn Vũ Ngọc | Mai | 14DHTH16 | Xây dựng hệ thống quản lý dịch vụ photocopy trực tuyến | CNTT-KLCN031 |
| 2 | 2001230509 | Nguyễn Trọng | Mạnh | 14DHTH16 | | |
| 3 | 2001230772 | Nguyễn Thành | Tài | 14DHTH13 | | |
| 4 | 2001230050 | Nguyễn Huy Gia | Bảo | 14DHTH02 | Xây dựng ứng dụng trích xuất thông tin chứng từ logistics ứng dụng OCR và mô hình ngôn ngữ lớn | CNTT-KLCN032 |
| 5 | 2001230612 | Nguyễn Thị Yến | Nhi | 14DHTH01 | | |
| 6 | 2001230688 | Nguyễn Thanh Thiên | Phúc | 14DHTH03 | | |
| 7 | 2001230244 | Phạm Đình Minh | Hiếu | 14DHTH11 | Nghiên cứu kiến trúc Event Sourcing cho bài toán phát hiện bất thường trong giao dịch tài chính theo thời gian thực | CNTT-KLCN033 |
| 8 | 2001230753 | Nguyễn Tấn | Sang | 14DHTH11 | | |
| 9 | 2001230963 | Phan Khắc Duy | Thức | 14DHTH06 | | |
| 10 | 2001230060 | Phan Thanh | Bình | 14DHTH15 | Xây dựng ứng dụng quản lý cửa hàng bán trà sấy khô | CNTT-KLCN034 |
| 11 | 2001230366 | Nguyễn Văn | Khải | 14DHTH04 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | 2001230690 | Trần Minh | Phúc | 14DHTH15 | | |
| 13 | 2001230125 | Trương Ích Thái | Duy | 14DHTH04 | Xây dựng ứng dụng quản lý nhà trọ Kiêu Giang | CNTT-KLCN035 |
| 14 | 2001230131 | Hồ Thị Mỹ | Duyên | 14DHTH13 | | |
| 15 | 2001230132 | Nguyễn Thị | Duyên | 14DHTH02 | | |
| 16 | 2001230141 | Võ Trần Thành | Đạt | 14DHTH13 | Xây dựng ứng dụng quản lý cửa hàng bán xe đạp | CNTT-KLCN036 |
| 17 | 2001230682 | Huỳnh Phạm Thiên | Phúc | 14DHTH15 | | |
| 18 | 2001230718 | Nguyễn Minh | Quân | 14DHTH09 | | |
| 19 | 2001230008 | Nguyễn Quốc | An | 14DHTH01 | Xây dựng ứng dụng quản lý và đặt thuê máy ảnh trực tuyến | CNTT-KLCN037 |
| 20 | 2001230554 | Trần Thị Kim | Ngân | 14DHTH06 | | |
| 21 | 2001230568 | Phạm Nguyễn Hồng | Ngọc | 14DHTH07 | | |
| 22 | 2001230739 | Lê Cường | Quốc | 14DHTH08 | Xây dựng ứng dụng học tiếng Anh | CNTT-KLCN038 |
| 23 | 2001230750 | Võ Nguyễn Khánh | Quỳnh | 14DHTH08 | | |
| 24 | 2001230991 | Đào Thanh | Trọng | 14DHTH08 | | |
| 25 | 2001230179 | Đỗ Đình | Độ | 14DHTH05 | Xây dựng ứng dụng hỗ trợ đặt lịch và bán sản phẩm chăm sóc tóc tại salon tóc | CNTT-KLCN039 |
| 26 | 2001230205 | Lê Hoàng | Hải | 14DHTH12 | | |
| 27 | 2001230484 | Lê Hữu | Luân | 14DHTH14 | | |
| 28 | 2001230027 | Đặng Tuấn | Anh | 14DHTH15 | Xây dựng ứng dụng kết nối Freelancer Sinh Viên | CNTT-KLCN040 |
| 29 | 2001230764 | Nguyễn Xuân | Sơn | 14DHTH01 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 30 | 2001230861 | Nguyễn Hoàng | Tuấn | 14DHTH01 | | |
| **XXXIV** | **01001061** | **Vũ Phú** | **Lộc** | | | |
| 1 | 2001230148 | Phạm Tất | Đạt | 14DHTH01 | Hệ thống quản lý và tự động hóa biên bản cuộc họp thông minh cho doanh nghiệp nhỏ | CNTT-KLCN321 |
| 2 | 2001230217 | Nìm Văn | Hạo | 14DHTH08 | | |
| 3 | 2001230935 | Nguyễn Hoàng | Thông | 14DHTH08 | | |
| 4 | 2001230150 | Đinh Thành | Đạt | 14DHTH05 | Hệ thống Onboarding và Đào tạo nhân sự nội bộ thông minh bằng công nghệ RAG & Giọng nói nhân tạo | CNTT-KLCN323 |
| 5 | 2001230521 | Phạm Tiến | Minh | 14DHTH12 | | |
| 6 | 2001231073 | Nguyễn Long | Vỹ | 14DHTH12 | | |
| 7 | 2001230456 | Vũ Thiên | Long | 14DHTH04 | Hệ thống quản lý kho và giám sát xuất nhập kho bằng khẩu lệnh | CNTT-KLCN324 |
| 8 | 2001231000 | Đỗ Thành | Trung | 14DHTH12 | | |
| 9 | 2001231045 | Nguyễn Quang | Vinh | 14DHTH16 | | |
| 10 | 2001230256 | Lê Minh | Hoài | 14DHTH12 | Hệ thống số hóa, lưu trữ và tự động phân loại hóa đơn chứng từ kế toán cho doanh nghiệp nhỏ | CNTT-KLCN325 |
| 11 | 2001230506 | Chu Đức | Mạnh | 14DHTH14 | | |
| 12 | 2001230790 | Nguyễn Minh | Tâm | 14DHTH16 | | |
| 13 | 2001230003 | Nguyễn Bình | An | 14DHTH16 | Hệ thống tự động kiểm thử và đánh giá năng lực ứng viên qua phỏng vấn thoại | CNTT-KLCN326 |
| 14 | 2001230296 | Huỳnh Gia | Huy | 14DHTH16 | | |
| 15 | 2001230314 | Nguyễn Quang | Huy | 14DHTH16 | | |
| 16 | 2001230063 | Lê Duy | Cả | 14DHTH07 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | 2001230162 | Hoàng Phúc Vinh | Đạt | 14DHTH07 | Trợ lý AI phân tích dữ liệu kinh doanh và dự báo tài chính doanh nghiệp | CNTT-KLCN327 |
| 18 | 2001230980 | Bùi Quốc | Trí | 14DHTH07 | | |
| 19 | 2001230166 | Ngô Tấn | Đạt | 14DHTH16 | Nghiên cứu phương pháp chắt lọc tri thức mô hình ngôn ngữ lớn trong hệ thống đàm thoại tiếng Việt ứng dụng cho hành chính công | CNTT-KLCN328 |
| 20 | 2001230579 | Nguyễn Thị Thảo | Nguyên | 14DHTH03 | | |
| 21 | 2001230638 | Trần Tấn | Phát | 14DHTH08 | | |
| 22 | 2001230432 | Ngô Vũ Hoàng | Lâm | 14DHTH15 | Hệ thống quản lý tri thức sản phẩm và hỗ trợ bán hàng tự động | CNTT-KLCN329 |
| 23 | 2001230482 | Lê Hữu | Luân | 14DHTH03 | | |
| 24 | 2001231001 | Nguyễn Minh | Trung | 14DHTH14 | | |
| 25 | 2001230086 | Nguyễn Đức | Chính | 14DHTH12 | Hệ thống tự động giám sát, tóm tắt và đánh giá chất lượng cuộc gọi tổng đài | CNTT-KLCN330 |
| 26 | 2001230469 | Châu Phát | Lộc | 14DHTH09 | | |
| 27 | 2001230670 | Nguyễn Lê Quang | Phú | 14DHTH16 | | |
| **XXXV** | **01001062** | **Huỳnh Thị Cẩm** | **Dung** | | | |
| 1 | 2001230530 | Nguyễn Hoài | Nam | 14DHTH07 | Xây dựng hệ thống quản lý dịch vụ và khách hàng cho cơ sở làm đẹp | CNTT-KLCN021 |
| 2 | 2001230556 | Huỳnh Thái Tấn | Nghĩa | 14DHTH09 | | |
| 3 | 2001230578 | Phạm Nguyễn Khôi | Nguyên | 14DHTH05 | | |
| 4 | 2001230278 | Lê Tuấn | Hội | 14DHTH06 | Hệ thống quản lý cửa hàng bán đồ handmade | CNTT-KLCN022 |
| 5 | 2001230398 | Võ Đăng | Khoa | 14DHTH06 | | |
| 6 | 2001230527 | Phạm Anh Nhật | Minh | 14DHTH06 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | 2001230728 | Vũ Minh | Quân | 14DHTH06 | Nghiên cứu nhận dạng và phân loại thành phần thực phẩm trên bao bì | CNTT-KLCN023 |
| 8 | 2001230732 | Trần Minh | Quân | 14DHTH06 | | |
| 9 | 2001230860 | Phan Thái | Tuấn | 14DHTH07 | | |
| 10 | 2001230538 | Nguyễn Hoài | Nam | 14DHTH10 | Nghiên cứu phát hiện các thành phần cần hạn chế đối với người mắc bệnh tiểu đường trên bao bì thực phẩm bằng thị giác máy tính | CNTT-KLCN024 |
| 11 | 2001230542 | Nguyễn Bá | Nam | 14DHTH06 | | |
| 12 | 2001230626 | Nguyễn Trường | Nhu | 14DHTH05 | | |
| 13 | 2001230281 | Võ Đức Thế | Huân | 14DHTH16 | Nghiên cứu mô hình phân tích cảm xúc trên đánh giá sản phẩm thương mại điện tử | CNTT-KLCN025 |
| 14 | 2001230501 | Nguyễn Phi Huỳnh | Mai | 14DHTH16 | | |
| 15 | 2001230985 | Cao Ngọc Khắc | Triệu | 14DHTH10 | | |
| 16 | 2001230302 | Lê Trương | Huy | 14DHTH09 | Nghiên cứu mô hình phân tích xu hướng cảm xúc của báo điện tử đối với thực thể bằng mô hình ngôn ngữ lớn | CNTT-KLCN026 |
| 17 | 2001230618 | Nguyễn Thị Ý | Nhi | 14DHTH01 | | |
| 18 | 2001230814 | Trần Trung | Tín | 14DHTH01 | | |
| 19 | 2001230386 | Nguyễn Trường | Khang | 14DHTH10 | Xây dựng ứng dụng quản lý cửa hàng giặt ủi | CNTT-KLCN027 |
| 20 | 2001230396 | Võ Anh | Khoa | 14DHTH15 | | |
| 21 | 2001230585 | Lê Khôi | Nguyên | 14DHTH15 | | |
| 22 | 2001230536 | Hồ Quốc | Nam | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống học tiếng Anh và ôn tập chuyên ngành CNTT | CNTT-KLCN028 |
| 23 | 2001230858 | Trần Lê Anh | Tuấn | 14DHTH05 | | |
| 24 | 2001230951 | Nguyễn Đẩu | Thủy | 14DHTH05 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | 2001230169 | Lê Tâm | Đắc | 14DHTH03 | Nghiên cứu hệ thống hỗ trợ đánh giá và cải thiện CV sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn | CNTT-KLCN029 |
| 26 | 2001230364 | Dương Chí | Khải | 14DHTH01 | | |
| 27 | 2001230468 | Nguyễn Hữu | Lộc | 14DHTH01 | | |
| 28 | 2001230425 | Biện Thanh | Lạc | 14DHTH13 | Nhận dạng bệnh trên lá cây sử dụng Vision Transformer | CNTT-KLCN030 |
| 29 | 2001230551 | Trần Thị Huyền | Ngân | 14DHTH14 | | |
| 30 | 2001230668 | Đặng Hoàng Nhật | Phong | 14DHTH13 | | |
| 31 | 2001230271 | Ngô Minh | Hoàng | 14DHTH12 | Xây dựng trò chơi hành động phiêu lưu 2D thể loại Metroidvania trên nền tảng Unity | CNTT-KLCN092 |
| 32 | 2001230738 | Âu Gia | Quốc | 14DHTH12 | | |
| 33 | 2001231013 | Phạm Thành | Trực | 14DHTH12 | | |
| **XXXVI** | **01001063** | **Lữ Thị Cẩm** | **Tú** | | | |
| 1 | 2001230463 | Nguyễn Hoàng | Long | 14DHTH09 | Cảnh báo điểm đen tai nạn giao thông | CNTT-KLCN320 |
| 2 | 2001230159 | Nguyễn Hữu | Đạt | 14DHTH10 | | |
| 3 | 2001230725 | Nguyễn Minh | Quân | 14DHTH15 | | |
| 4 | 2001230376 | Lê Dư Bảo | Khang | 14DHTH04 | Cải tiến thuật toán nhận diện cảm xúc qua giọng nói (SER) bằng transformer | CNTT-KLCN311 |
| 5 | 2001230383 | Nguyễn Hoàng | Khang | 14DHTH04 | | |
| 6 | 2001230707 | Trần Nhã | Phương | 14DHTH04 | | |
| 7 | 2001230101 | Phan Văn | Dũng | 14DHTH14 | Hệ thống hỗ trợ giáo viên phát hiện học sinh lo âu, mất tập trung qua camera | CNTT-KLCN313 |
| 8 | 2001230416 | Nguyễn Đình | Khôi | 14DHTH06 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 9 | 2001230685 | Khương Hoàng | Phúc | 14DHTH07 | | |
| 10 | 2001230068 | Nguyễn Xuân | Cương | 14DHTH08 | Quản lý sức khỏe tinh thần người cao tuổi tại nhà | CNTT-KLCN315 |
| 11 | 2001230128 | Phan Trần Hữu | Duy | 14DHTH01 | | |
| 12 | 2001230561 | Phạm Tấn | Nghĩa | 14DHTH07 | | |
| 13 | 2001230315 | Phạm Thành | Huy | 14DHTH16 | Nhận diện món ăn qua ảnh và tính toán dinh dưỡng | CNTT-KLCN316 |
| 14 | 2001230421 | Huỳnh Ngọc | Khôi | 14DHTH16 | | |
| 15 | 2001230576 | Trần Quốc | Nguyên | 14DHTH02 | | |
| 16 | 2001230042 | Đặng Phương | Bảo | 14DHTH02 | Gợi ý phim/nhạc theo tâm trạng (mood-based recommendation) | CNTT-KLCN318 |
| 17 | 2001230384 | Trần Thiều Duy | Khang | 14DHTH04 | | |
| 18 | 2001230705 | Trần Thanh | Phương | 14DHTH04 | | |
| 19 | 2001230236 | Nguyễn Đình Trung | Hiếu | 14DHTH01 | Phát hiện đánh giá sản phẩm giả (fake review detection) | CNTT-KLCN319 |
| 20 | 2001230515 | Nông Văn | Minh | 14DHTH15 | | |
| 21 | 2001230839 | Lê Thanh | Tú | 14DHTH04 | | |
| **XXXVII** | **01001064** | **Nguyễn Thị Huyền** | **Trang** | | | |
| 1 | 2001230511 | Võ Lê Minh | Mẫn | 14DHTH08 | Dự đoán nguy cơ gan nhiễm mỡ không do rượu (NAFLD) từ dữ liệu lâm sàng đa nhóm bằng mô hình học máy. | CNTT-KLCN125 |
| 2 | 2001230535 | Đặng Hoài | Nam | 14DHTH08 | | |
| 3 | 2001231019 | Nguyễn Nhật | Trường | 14DHTH08 | | |
| 4 | 2001230029 | Võ Thị Kim | Anh | 14DHTH12 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | 2001230040 | Lê Huỳnh Gia | Bảo | 14DHTH09 | Xây dựng hệ thông quản lý chăm sóc thú cưng và đặt lịch dịch vụ trực tuyến | CNTT-KLCN126 |
| 6 | 2001230744 | Mai Thị Hạnh | Quyên | 14DHTH02 | | |
| **XXXVIII** | **01001065** | **Huỳnh Thái** | **Học** | | | |
| | **01001067** | **Trần Khải** | **Thiện** | | | |
| 1 | 2001230741 | Hồ Ngọc | Quý | 14DHTH04 | Xây dựng hệ thống quản lý thi trắc nghiệm trực tuyến tích hợp AI | CNTT-KLCN310 |
| 2 | 2001231016 | Trần Ngô Trọng | Trường | 14DHTH13 | | |
| 3 | 2001231024 | Nguyễn Dương Thục | Uyên | 14DHTH11 | | |
| **XXXIX** | **01001067** | **Trần Khải** | **Thiện** | | | |
| 1 | 2001230368 | Lê Hoàng Phúc | Khang | 14DHTH13 | Phát hiện té ngã từ video sử dụng mô hình học sâu dựa trên tư thế cơ thể | CNTT-KLCN295 |
| 2 | 2001230652 | Nguyễn Nhật | Phát | 14DHTH12 | | |
| 3 | 2001230922 | Lê Nhật | Thiện | 14DHTH13 | | |
| 4 | 2001230828 | Thi Lý Hữu | Toàn | 14DHTH12 | Phát hiện clickbait đa phương thức bằng học sâu | CNTT-KLCN298 |
| 5 | 2001230865 | Trần Quốc | Tuấn | 14DHTH13 | | |
| 6 | 2001230925 | Nguyễn Hữu | Thiện | 14DHTH12 | | |
| 7 | 2001230770 | Nguyễn Đức | Tài | 14DHTH13 | Phát hiện tin giả bằng mạng nơ-ron đồ thị kết hợp Đồ thị tri thức | CNTT-KLCN299 |
| 8 | 2001230967 | Đặng Ngọc | Thưởng | 14DHTH14 | | |
| 9 | 2001231058 | Trương Như | Vũ | 14DHTH14 | | |
| 10 | 2001230423 | Nguyễn Lê | Khôi | 14DHTH03 | So sánh hiệu quả phương pháp tinh chỉnh | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 11 | 2001230577 | Biện Nguyễn Thế | Nguyên | 14DHTH03 | So sánh hiệu quả phương pháp tinh chỉnh ResNet và EfficientNet trên tập dữ liệu CIFAR-10 | CNTT-KLCN303 |
| 12 | 2001231076 | Phạm Hoàng | Yên | 14DHTH01 | | |
| **XXXX** | **01001067** | **Trần Khải** | **Thiện** | | | |
| | **01001072** | **Dương Bảo** | **Ninh** | | | |
| 1 | 2001230259 | Đỗ Thu | Hoàn | 14DHTH08 | Xây dựng hệ thống định vị trong nhà theo phòng dựa trên WiFi Fingerprinting phục vụ giám sát sức khoẻ và phát hiện bất thường di chuyển cho người cao tuổi trong Nhà thông minh | CNTT-KLCN336 |
| 2 | 2001230331 | Trần Bảo | Hưng | 14DHTH08 | | |
| 3 | 2001230687 | Nguyễn Hoài | Phúc | 14DHTH12 | | |
| **XXXXII** | **01001076** | **Nguyễn Hữu** | **Khánh** | | | |
| 1 | 2001230144 | Bùi Quốc | Đạt | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống theo dõi hoạt động vận động hằng ngày sử dụng điện thoại thông minh | CNTT-KLCN369 |
| 2 | 2001230194 | Đỗ Minh | Đức | 14DHTH12 | | |
| 3 | 2001230815 | Hồ Văn | Tín | 14DHTH15 | | |
| **XXXXIII** | **01001078** | **Phạm Văn** | **Đăng** | | | |
| 1 | 2001230187 | Trần Hữu | Đức | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống website mua và bán hạt giống cây trồng | CNTT-KLCN282 |
| 2 | 2001230320 | Lương Xuân | Hưng | 14DHTH13 | | |
| 3 | 2001230642 | Võ Phạm Hưng | Phát | 14DHTH13 | | |
| 4 | 2001230633 | Trần Văn | Phát | 14DHTH06 | Công nghệ Blocktrain ứng dụng vào chuỗi giá trị nông sản gắn với du lịch thông minh | CNTT-KLCN283 |
| 5 | 2001230890 | Phạm Duy | Thành | 14DHTH06 | | |
| 6 | 2001230939 | Phạm Trương | Thông | 14DHTH06 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 7 | 2001230226 | Trần Nguyên | Hậu | 14DHTH16 | Phát triển mô hình học máy dự báo lợi nhuận cổ phiếu | CNTT-KLCN284 |
| 8 | 2001230748 | Chung Nhã | Quỳnh | 14DHTH16 | | |
| 9 | 2001230831 | Lương Kiến | Toàn | 14DHTH16 | | |
| 10 | 2001230274 | Nguyễn Ngọc | Hoàng | 14DHTH08 | Xây dựng mô hình đánh giá chất lượng các loại hình hoạt động của một trường Đại học | CNTT-KLCN285 |
| 11 | 2001230528 | Nguyễn Võ Thiên | Minh | 14DHTH14 | | |
| 12 | 2001231317 | Trần Hồng | Anh | 14DHTH01 | | |
| 13 | 2001230392 | Nguyễn Quốc | Khánh | 14DHTH13 | Phát triển hệ thống website tuyển dụng thông minh kết nối ứng viên và nhà tuyển dụng | CNTT-KLCN286 |
| 14 | 2001230693 | Trần Nguyên | Phúc | 14DHTH13 | | |
| 15 | 2001231015 | Vũ Thiên | Trường | 14DHTH13 | | |
| 16 | 2001230534 | Trần Tiến Hoài | Nam | 14DHTH03 | Thiết kế và xây dựng hệ thống website truy vết các địa điểm đặt Ong mật | CNTT-KLCN287 |
| 17 | 2001230606 | Dương Minh | Nhật | 14DHTH06 | | |
| 18 | 2001230886 | Nguyễn Ngọc Tấn | Thành | 14DHTH11 | | |
| 19 | 2001230512 | Nguyễn Hoàng | Minh | 14DHTH08 | Xây dựng ứng dụng chăm sóc và truy vết các loại cây trồng giá trị kinh tế cao | CNTT-KLCN288 |
| 20 | 2001230982 | Nguyễn Hoàng | Triều | 14DHTH08 | | |
| 21 | 2001231560 | Trần Thanh | Đức | 14DHTH15 | | |
| 22 | 2001230119 | Nguyễn Quốc | Duy | 14DHTH13 | Thiết kế và xây dựng hệ thống website quản lý thiết bị, dụng cụ và vật tư nuôi Ong mật | CNTT-KLCN289 |
| 23 | 2001230163 | Đoàn Nguyễn Tấn | Đạt | 14DHTH07 | | |
| 24 | 2001230657 | Đoàn Lê Thanh | Phi | 14DHTH03 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 25 | 2001230010 | Phạm Vũ Trường | Anh | 14DHTH04 | Xây dựng hệ thống website quản lý tài liệu và hồ sơ minh chứng phục vụ cho công tác đảm bảo chất lượng cấp Khoa tại một trường Đại học | CNTT-KLCN291 |
| 26 | 2001230261 | Trần Nguyễn Phú | Hoàng | 14DHTH08 | | |
| 27 | 2001230357 | Đặng Trịnh Tuấn | Kha | 14DHTH04 | | |
| **XXXXIV** | **01001079** | **Nguyễn Xuân** | **Phi** | | | |
| 1 | 2001230649 | Kiều Tấn | Phát | 14DHTH13 | Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản ứng dụng Blockchain | CNTT-KLCN343 |
| 2 | 2001230656 | Đặng Đỗ Hoàng | Phi | 14DHTH04 | | |
| 3 | 2001230856 | Bùi Đức | Tuấn | 14DHTH12 | | |
| 4 | 2001230022 | Phan Tấn | Anh | 14DHTH16 | Chatbot tư vấn tài chính cá nhân ứng dụng LLM (RAG) cho khách hàng ngân hàng | CNTT-KLCN346 |
| 5 | 2001230477 | Nguyễn Quốc | Lộc | 14DHTH16 | | |
| 6 | 2001230992 | Nguyễn Hồ Minh | Trọng | 14DHTH16 | | |
| 7 | 2001225902 | Trà Ngọc Nguyên | Vũ | 13DHTH_TD | Nhận diện và phân loại bệnh trên lá cây nông nghiệp bằng Multi-task Deep Learning (Grad-CAM) | CNTT-KLCN347 |
| 8 | 2001230837 | Nguyễn Trịnh Hoàng | Tú | 14DHTH03 | | |
| 9 | 2001230976 | Lê Minh Hữu | Trí | 14DHTH06 | | |
| 10 | 2001230214 | Trương Khả | Hào | 14DHTH03 | Hệ thống nhận diện tiền Việt Nam (Banknote Recognition) hỗ trợ người khiếm thị | CNTT-KLCN348 |
| 11 | 2001230426 | Trương Minh | Lạc | 14DHTH03 | | |
| 12 | 2001230522 | Đặng Quang | Minh | 14DHTH16 | | |
| **XXXXV** | **01005046** | **Đinh Thị** | **Mận** | | | |
| 1 | 2001230186 | Nguyễn Văn | Đức | 14DHTH11 | Xây dựng hệ thống quản lý kiến tập cho sinh | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 2001230381 | Nguyễn Vĩnh | Khang | 14DHTH09 | Xây dựng hệ thống quản lý thực tập cho sinh viên Khoa Công nghệ thực phẩm Trường Đại học Công Thương TP. Hồ Chí Minh | CNTT-KLCN214 |
| 3 | 2001230503 | Phạm Văn | Mãnh | 14DHTH11 | | |
| 4 | 2001230019 | Nguyễn Đức | Anh | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống quản lý khách sạn thông minh | CNTT-KLCN215 |
| 5 | 2001230075 | Võ Trí | Cường | 14DHTH16 | | |
| 6 | 2001230965 | Mai Hoài | Thương | 14DHTH11 | | |
| 7 | 2001230771 | Long Huỳnh Quốc | Tài | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống quản lý tiếp nhận, sửa chữa và bảo hành thiết bị điện tử cho cửa hàng máy tính | CNTT-KLCN216 |
| 8 | 2001230792 | Phan Hoài | Tân | 14DHTH05 | | |
| 9 | 2001230876 | Ninh Bá | Thanh | 14DHTH03 | | |
| 10 | 2001230438 | Ngô Thị Mỹ | Lệ | 14DHTH11 | Xây dựng hệ thống quản lý nhà trọ | CNTT-KLCN217 |
| 11 | 2001230559 | Dương Minh | Nghĩa | 14DHTH05 | | |
| 12 | 2001230622 | Dương Thị Tuyết | Nhi | 14DHTH16 | | |
| 13 | 2001230282 | Phạm Đăng | Huấn | 14DHTH14 | Xây dựng ứng dụng quản lý và phân tích hành vi sinh viên trong lớp học theo thời gian thực | CNTT-KLCN218 |
| 14 | 2001230324 | Nguyễn Gia | Hưng | 14DHTH09 | | |
| 15 | 2001230709 | Trần Duy | Quang | 14DHTH14 | | |
| **XXXXVI** | **01005046** | **Đinh Thị** | **Mận** | | | |
| | **TG00000933** | **Nguyễn Văn** | **Thịnh** | | | |
| 1 | 2001230056 | Ngô Quốc | Bình | 14DHTH07 | Phát triển mô hình chú thích ảnh tăng cường truy hồi tri thức ngữ nghĩa | CNTT-KLCN219 |
| 2 | 2001230745 | Nguyễn Thị | Quyên | 14DHTH01 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | 2001231038 | Nguyễn Quốc | Việt | 14DHTH14 | | |
| 4 | 2001230428 | Nguyễn Thị Thúy | Lành | 14DHTH12 | Phát triển mô hình chú thích ảnh dựa trên Transformer với truy vấn ngữ nghĩa đối tượng–quan hệ | CNTT-KLCN220 |
| 5 | 2001230646 | Nguyễn Tấn | Phát | 14DHTH07 | | |
| 6 | 2001230908 | Lương Hoàng | Thắng | 14DHTH07 | | |
| 7 | 2001230095 | Nguyễn Thành | Danh | 14DHTH15 | Tối ưu hóa mô hình chú thích ảnh cho thiết bị di động dựa trên chiết xuất tri thức | CNTT-KLCN221 |
| 8 | 2001230694 | Nguyễn Tâm | Phúc | 14DHTH15 | | |
| 9 | 2001231070 | Nguyễn Vương Hồng | Vỹ | 14DHTH15 | | |
| **XXXXVII** | **01008001** | **Trần Thị Vân** | **Anh** | | | |
| | **TG00000933** | **Nguyễn Văn** | **Thịnh** | | | |
| 1 | 2001230307 | Phạm Nguyễn Thanh | Huy | 14DHTH02 | Chú thích ảnh dựa trên Transformer với học căn chỉnh thị giác–ngôn ngữ và kiểm soát ảo giác đối tượng | CNTT-KLCN234 |
| 2 | 2001230613 | Đỗ Võ Kim | Nhi | 14DHTH03 | | |
| 3 | 2001230930 | Đặng Anh | Thịnh | 14DHTH03 | | |
| **XXXXVIII** | **01008001** | **Trần Thị Vân** | **Anh** | | | |
| 1 | 2001230005 | Cù Văn Vĩ | An | 14DHTH02 | Xây dựng kho dữ liệu hỗ trợ phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh Công ty Khang Nghị | CNTT-KLCN235 |
| 2 | 2001230329 | Nguyễn Trường | Hưng | 14DHTH02 | | |
| 3 | 2001231031 | Bùi Thị | Vấn | 14DHTH03 | | |
| 4 | 2001230399 | Nguyễn Lê Đăng | Khoa | 14DHTH15 | Hệ thống quản lý phòng họp tại trung tâm thư viện trường Đại học Công Thương TP Hồ Chí Minh | CNTT-KLCN236 |
| 5 | 2001230417 | Nguyễn Bảo | Khôi | 14DHTH13 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | 2001230958 | Nguyễn Thị Anh | Thư | 14DHTH04 | Hồ Chí Minh | |
| 7 | 2001221188 | Trương Nhựt | Hào | 13DHTH05 | Xây dựng hệ thống quản lý hoạt động mua bán của cửa hàng bánh ngọt Givral | CNTT-KLCN237 |
| 8 | 2001230354 | Kống Bửu | Kim | 14DHTH10 | | |
| 9 | 2001230928 | Nguyễn Hữu | Thiện | 14DHTH10 | | |
| 10 | 2001230014 | Phan Nhật Kỳ | Anh | 14DHTH01 | Xây dựng hệ thống quản lý điểm danh tham gia lớp học, sự kiện tại khoa Công nghệ thông tin | CNTT-KLCN238 |
| 11 | 2001230097 | Trương Quang | Diệu | 14DHTH01 | | |
| 12 | 2001230787 | Phạm Thị Thanh | Tâm | 14DHTH01 | | |
| 13 | 2001230124 | Nguyễn Khánh | Duy | 14DHTH07 | Xây dựng hệ thống nghe nhạc trực tuyến | CNTT-KLCN239 |
| 14 | 2001230208 | Lê Vũ | Hải | 14DHTH02 | | |
| 15 | 2001230947 | Lâm Phước | Thuận | 14DHTH02 | | |
| 16 | 2001230004 | Trần Nguyễn Bảo | An | 14DHTH09 | Xây dựng hệ thống quản lý bán hàng Goan theo mô hình SaaS cho cửa hàng bán lẻ | CNTT-KLCN240 |
| 17 | 2001230102 | Đồng Viết | Dũng | 14DHTH09 | | |
| 18 | 2001230835 | Phạm Văn | Tú | 14DHTH01 | | |
| 19 | 2001230864 | Hà Minh | Tuấn | 14DHTH04 | Xây dựng hệ thống quản lý thực đơn, hướng dẫn chế biến và đề xuất món ăn theo sở thích người dùng | CNTT-KLCN241 |
| 20 | 2001230948 | Lê Thị Bích | Thùy | 14DHTH06 | | |
| 21 | 2001230970 | Trần Lê Thùy | Trâm | 14DHTH06 | | |
| 22 | 2001230145 | Hà Thành | Đạt | 14DHTH10 | Xây dựng ứng dụng quản lý tài chính cá nhân tích hợp nhận dạng hóa đơn bằng OCR | CNTT-KLCN242 |
| 23 | 2001230273 | Mai Ngọc Xuân | Hoàng | 14DHTH10 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 24 | 2001230712 | Đặng Hồng | Quang | 14DHTH14 | | |
| **XXXXIX** | **01012022** | **Đinh Nguyễn Trọng** | **Nghĩa** | | | |
| 1 | 2001230630 | Nguyễn Quỳnh | Như | 14DHTH02 | Xây dựng ứng dụng tối ưu hóa lộ trình giao hàng phụ thuộc thời gian bằng thuật toán RAPO | CNTT-KLCN135 |
| 2 | 2001230789 | Huỳnh Thanh Minh | Tâm | 14DHTH02 | | |
| 3 | 2001230945 | Đào Minh | Thuận | 14DHTH02 | | |
| 4 | 2001230082 | Hồ Nguyễn Linh | Chi | 14DHTH09 | Hệ thống khuyến nghị sản phẩm cá nhân hóa ứng dụng thuật toán tối ưu hóa lai Coati-Kepler | CNTT-KLCN136 |
| 5 | 2001230385 | Hứa Vĩnh | Khang | 14DHTH05 | | |
| 6 | 2001230571 | Nguyễn Thị | Ngọc | 14DHTH11 | | |
| 7 | 2001230495 | Phùng Thị | Ly | 14DHTH15 | Xây dựng nền tảng website chia sẻ dữ liệu phi định danh sử dụng thuật toán kết hợp APO-ARO nhằm nâng cao hiệu quả mô hình K-Anonymity và L-Diversity | CNTT-KLCN137 |
| 8 | 2001230611 | Lê Hoàng Minh | Nhật | 14DHTH01 | | |
| 9 | 2001231067 | Bạch Ngọc | Vy | 14DHTH15 | | |
| 10 | 2001230129 | Nguyễn Thị Mỹ | Duyên | 14DHTH01 | Xây dựng ứng dụng lập lịch thông minh cho sinh viên sử dụng thuật toán Cuckoo Catfish Snake Optimization (CCSO) | CNTT-KLCN138 |
| 11 | 2001230198 | Phan Tuấn | Giang | 14DHTH03 | | |
| 12 | 2001230284 | Nguyễn Cao Mạnh | Hùng | 14DHTH01 | | |
| 13 | 2001230300 | Phạm Trường | Huy | 14DHTH11 | Xây dựng hệ thống lập kế hoạch tour du lịch thông minh sử dụng thuật toán Bee-guided Sand Cat Optimization | CNTT-KLCN139 |
| 14 | 2001230375 | Diệp Thái | Khang | 14DHTH11 | | |
| 15 | 2001230486 | Phạm Nguyễn Minh | Luân | 14DHTH01 | | |
| 16 | 2001230009 | Nguyễn Quốc | An | 14DHTH03 | Ứng dụng thuật toán Parrot Optimizer kết | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 17 | 2001230349 | Lưu Trí | Kiệt | 14DHTH01 | Ứng dụng thuật toán Parrot Optimizer kết hợp Genetic Algorithm trong rút gọn tập dữ liệu ảnh cho bài toán phân loại cảnh tự nhiên | CNTT-KLCN140 |
| 18 | 2001230737 | Thái Anh | Quốc | 14DHTH02 | | |
| 19 | 2001230454 | Trần Đình | Long | 14DHTH02 | Xây dựng ứng dụng hỗ trợ xếp thời khóa biểu đại học sử dụng thuật toán lai Parrot Optimizer và Genetic Algorithm | CNTT-KLCN141 |
| 20 | 2001230796 | Trần Ngọc | Tiên | 14DHTH02 | | |
| 21 | 2001231034 | Phạm Tuấn | Vĩ | 14DHTH02 | | |
| 22 | 2001230070 | Hồ Trung | Cương | 14DHTH15 | Nghiên cứu và xây dựng hệ thống đề xuất thực đơn dinh dưỡng cá nhân hóa dựa trên thuật toán Dung Beetle Optimizer cải tiến với cơ chế ngẫu nhiên | CNTT-KLCN142 |
| 23 | 2001230123 | Lê Quang | Duy | 14DHTH15 | | |
| 24 | 2001230175 | Đặng Nguyễn Minh | Đăng | 14DHTH15 | | |
| **XXXXX** | **01014002** | **Nguyễn Thị Thu** | **Tâm** | | | |
| 1 | 2001230843 | Nguyễn Hưng Khánh | Tú | 14DHTH11 | Nghiên cứu thuật toán WCM-SPADE cho bài toán khai thác mẫu tuần tự có trọng số với cập nhật gia tăng | CNTT-KLCN253 |
| 2 | 2001230850 | Đặng Anh | Tuấn | 14DHTH15 | | |
| 3 | 2001231008 | Huỳnh Tiến | Trung | 14DHTH14 | | |
| 4 | 2001230367 | Nguyễn Phúc | Khang | 14DHTH07 | Nghiên cứu, đề xuất thuật toán khai phá mẫu tuần tự phổ biến và xây dựng nền tảng Vira hỗ trợ  quản lý và đề xuất bố trí sản phẩm trong cửa hàng bán lẻ | CNTT-KLCN254 |
| 5 | 2001230518 | Đặng Duy | Minh | 14DHTH15 | | |
| 6 | 2001230883 | Phạm Thị Lan | Thanh | 14DHTH07 | | |
| 7 | 2001230279 | Bạch Ngọc | Hợp | 14DHTH07 | Nghiên cứu thuật toán Wprefixspan trong khai thác mẫu tuần tự với trọng số tự động và chiến lược cắt tỉa | CNTT-KLCN255 |
| 8 | 2001230548 | Đặng Bảo | Ninh | 14DHTH07 | | |
| 9 | 2001230696 | Bùi Tấn | Phước | 14DHTH05 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 10 | 2001230582 | Huỳnh Đổ Hoàng | Nguyên | 14DHTH07 | Nghiên cứu cải tiến thuật toán WSPM_PreTree và xây dựng hệ thống gợi ý combo sản phẩm | CNTT-KLCN256 |
| 11 | 2001230615 | Lê Thị Tuyết | Nhi | 14DHTH07 | | |
| 12 | 2001230829 | Nguyễn Quang Thành | Toàn | 14DHTH07 | | |
| **XXXXXI** | **01014006** | **Trần Đình** | **Toàn** | | | |
| 1 | 2001230663 | Trần Thanh | Phong | 14DHTH03 | Nghiên cứu mô hình kết hợp CNN và Transformer trong phát hiện các bệnh về da từ ảnh Dermoscopy | CNTT-KLCN145 |
| 2 | 2001230184 | Huỳnh Minh | Đức | 14DHTH10 | | |
| 3 | 2001230905 | Giảng Thanh | Thảo | 14DHTH03 | | |
| 4 | 2001230202 | Trần Khánh | Hà | 14DHTH05 | Nghiên cứu mô hình CNN kết hợp cơ chế Attention để phát hiện viêm phổi từ ảnh X-quang ngực | CNTT-KLCN143 |
| 5 | 2001230393 | Trần Vân | Khánh | 14DHTH05 | | |
| 6 | 2001230906 | Nguyễn Thanh | Thảo | 14DHTH05 | | |
| 7 | 2001230680 | Nguyễn Cao Tấn | Phúc | 14DHTH03 | Nghiên cứu Vision Transformer và ứng dụng phân loại mức độ bệnh tiểu đường từ ảnh đáy võng mạc mắt | CNTT-KLCN144 |
| 8 | 2001230885 | Nguyễn Huy | Thanh | 14DHTH01 | | |
| 9 | 2001230898 | Nguyễn Chí | Thành | 14DHTH01 | | |
| **XXXXXII** | **01014007** | **Nguyễn Thị Thùy** | **Trang** | | | |
| 1 | 2001230023 | Trần Huỳnh Tuấn | Anh | 14DHTH08 | Xây dựng hệ thống quản lý học tập cho trẻ mầm non tích hợp phân nhóm mức độ phát triển bằng thuật toán Fuzzy C-Means | CNTT-KLCN118 |
| 2 | 2001230034 | Hứa Văn | Ân | 14DHTH07 | | |
| 3 | 2001230345 | Trần Nguyễn Trung | Kiên | 14DHTH10 | | |
| 4 | 2001230219 | Nguyễn Bảo | Hân | 14DHTH04 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | 2001230430 | Tô Khiết | Lâm | 14DHTH04 | Xây dựng hệ thông quản lý thư viện tích hợp chức năng gợi ý sách phù hợp cho sinh viên | CNTT-KLCN119 |
| 6 | 2001230914 | Nguyễn Tất | Thắng | 14DHTH04 | | |
| **XXXXXIII** | **01014014** | **Nguyễn Phương** | **Hạc** | | | |
| 1 | 2001230497 | Phạm Ngọc Thiên | Lý | 14DHTH14 | Triển khai tính năng bảo mật trong xây dựng ứng dụng bán hàng điện máy | CNTT-KLCN272 |
| 2 | 2001230765 | Trịnh Hoài | Sơn | 14DHTH08 | | |
| 3 | 2001230810 | Nguyễn Trung | Tín | 14DHTH08 | | |
| 4 | 2001230362 | Nguyễn Quang | Khải | 14DHTH08 | Triển khai tính năng bảo mật trong xây dựng ứng dụng  bán xe gắn máy  điện | CNTT-KLCN273 |
| 5 | 2001230472 | Nguyễn Hoàng | Lộc | 14DHTH06 | | |
| 6 | 2001230558 | Phan Nguyễn Hữu | Nghĩa | 14DHTH01 | | |
| 7 | 2001230069 | Nguyễn Lê Duy | Cương | 14DHTH09 | Triển khai tính năng bảo mật trong xây dựng ứng dụng  mua bán ô tô | CNTT-KLCN274 |
| 8 | 2001230344 | Trương Tấn | Kiên | 14DHTH09 | | |
| 9 | 2001230356 | Hồ Du | Kỵ | 14DHTH15 | | |
| 10 | 2001230018 | Huỳnh Đặng Hải | Anh | 14DHTH05 | Triển khai tính năng bảo mật trong xây dựng ứng dụng bảo dưỡng ô tô | CNTT-KLCN275 |
| 11 | 2001230089 | Nguyễn Đình | Chương | 14DHTH09 | | |
| 12 | 2001230189 | Nguyễn Văn | Đức | 14DHTH07 | | |
| 13 | 2001222143 | Đoàn Anh | Khôi | 13DHTH06 | Triển khai tính năng bảo mật trong xây dựng ứng dụng sửa chữa và bảo hành điện thoại | CNTT-KLCN276 |
| 14 | 2001230593 | Đặng Duy | Nhàn | 14DHTH14 | | |
| 15 | 2001230684 | Dương Hoàng | Phúc | 14DHTH06 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 16 | 2001230012 | Vương Hoàng Tuấn | Anh | 14DHTH10 | Triển khai các tính năng bảo mật trên ứng dụng cung ứng dịch vụ du lịch lữ hành | CNTT-KLCN278 |
| 17 | 2001230436 | Trương Đặng Gia | Lập | 14DHTH10 | | |
| 18 | 2001230672 | Trần Gia | Phú | 14DHTH10 | | |
| 19 | 2001230059 | Nguyễn Xuân | Bình | 14DHTH06 | Triển khai các tính năng bảo mật trên ứng dụng quản lý chuỗi bán thuốc tây | CNTT-KLCN280 |
| 20 | 2001230267 | Nguyễn Huy | Hoàng | 14DHTH06 | | |
| 21 | 2001230332 | Nguyễn Hòa | Hưng | 14DHTH06 | | |
| **XXXXXIV** | **01014014** | **Nguyễn Phương** | **Hạc** | | | |
| | **TG13082026** | **Văn Thế** | **Thành** | | | |
| 25 | 2001230818 | Vạn Trung | Tính | 14DHTH15 | Mô hình truy vấn dữ liệu phi tập trung trong mạng lưới giáo dục số dựa trên đồ thị tri thức và công nghệ Web3 | CNTT-KLCN293 |
| 26 | 2001230846 | Lê Huy | Tuấn | 14DHTH15 | | |
| 27 | 2001230981 | Nguyễn Minh | Trí | 14DHTH15 | | |
| 19 | 2001230639 | Huỳnh Tấn | Phát | 14DHTH08 | Công cụ theo dõi và phân tích nhật ký dữ liệu đồng bộ trên mạng lưới giáo dục số | CNTT-KLCN292 |
| 20 | 2001230678 | Lê Thiên | Phú | 14DHTH08 | | |
| 21 | 2001231043 | Trương Hoàng Phước | Vinh | 14DHTH08 | | |
| 1 | 2001230073 | Mai Nhật | Cường | 14DHTH08 | Công cụ xử lý và truy vấn dữ liệu đa phương tiện cho kho học liệu số | CNTT-KLCN390 |
| 2 | 2001230276 | Nguyễn Phi | Hổ | 14DHTH08 | | |
| 3 | 2001230369 | Dư Vũ | Khang | 14DHTH08 | | |
| **XXXXXV** | **01014016** | **Nguyễn Thế** | **Hữu** | | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | 2001221811 | Nguyễn Hửu Hoàng | Thông | 13DHTH01 | Xây dựng hệ thống quản lý điểm rèn luyện tại khoa Công nghệ thông tin trường Đại học Công Thương | CNTT-KLCN243 |
| 2 | 2001223608 | Nguyễn Thành | Phát | 13DHTH07 | | |
| 3 | 2001223746 | Võ Nguyên | Phúc | 13DHTH06 | | |
| 4 | 2001230246 | Lê Trọng | Hiệu | 14DHTH09 | Xây dựng hệ thống quản lý trung tâm chăm sóc thú cưng | CNTT-KLCN244 |
| 5 | 2001230285 | Cao Phi | Hùng | 14DHTH04 | | |
| 6 | 2001230410 | Nguyễn Hoàng Đăng | Khoa | 14DHTH16 | | |
| 7 | 2001230218 | Lê Thị | Hằng | 14DHTH11 | Xây dựng hệ thống quản lý nhà thuốc trực tuyến theo mô hình chuỗi nhà thuốc Pharmacity | CNTT-KLCN245 |
| 8 | 2001230594 | Nguyễn Thanh | Nhàn | 14DHTH11 | | |
| 9 | 2001231057 | Cao Thanh | Vũ | 14DHTH11 | | |
| 10 | 2001230122 | Võ Huỳnh | Duy | 14DHTH05 | Xây dựng hệ thống quản lý và cảnh báo chăm sóc sức khỏe người cao tuổi | CNTT-KLCN246 |
| 11 | 2001230487 | Nguyễn Đắc | Luận | 14DHTH05 | | |
| 12 | 2001230513 | Phạm Nhật | Minh | 14DHTH11 | | |
| 13 | 2001230015 | Trần Nguyễn Quốc | Anh | 14DHTH08 | Xây dựng hệ thống quản lý hiến máu nhân đạo | CNTT-KLCN247 |
| 14 | 2001230754 | Nguyễn Hoàng | Sang | 14DHTH08 | | |
| 15 | 2001230919 | Vũ Giang Hào | Thiên | 14DHTH08 | | |
| 16 | 2001230347 | Nguyễn Châu | Kiệt | 14DHTH03 | Xây dựng hệ thống quản lý thực tập doanh nghiệp tại khoa Công nghệ thông tin | CNTT-KLCN248 |
| 17 | 2001230348 | Võ Anh | Kiệt | 14DHTH16 | | |
| 18 | 2001231055 | Trương Long | Vũ | 14DHTH03 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 19 | 2001230397 | Trần Văn | Khoa | 14DHTH02 | Xây dựng hệ thống quản lý phòng Gym thông minh | CNTT-KLCN249 |
| 20 | 2001230686 | Nguyễn Hà Trọng | Phúc | 14DHTH16 | | |
| 21 | 2001230984 | Lê Đông | Triều | 14DHTH16 | | |
| 22 | 2001230039 | Nguyễn Ngọc | Bảo | 14DHTH05 | Nghiên cứu và ứng dụng thuật toán Warthog Optimization kết hợp 2-opt Local Search trong bài toán lập kế hoạch hành trình du lịch thông minh | CNTT-KLCN250 |
| 23 | 2001230485 | Nguyễn Phạm Duy | Luân | 14DHTH13 | | |
| 24 | 2001231552 | Phạm Văn | Dũng | 14DHTH01 | | |
| **XXXXXVI** | **01014017** | **Nguyễn Thanh** | **Long** | | | |
| 1 | 2001230239 | Bùi Xuân | Hiếu | 14DHTH05 | Xây dựng phần mềm luyện tập cờ vây thông minh tích hợp Học sâu | CNTT-KLCN152 |
| 2 | 2001230724 | Huỳnh Minh | Quân | 14DHTH05 | | |
| 3 | 2001230877 | Lưu Đào Nhật | Thanh | 14DHTH10 | | |
| 4 | 2001230589 | Nguyễn Trọng | Nguyên | 14DHTH05 | Xây dựng phần mềm huấn luyện và phân tích thế trận Cờ Tướng thông minh ứng dụng thuật toán duyệt cây Alpha-Beta và Mạng nơ-ron định giá | CNTT-KLCN153 |
| 5 | 2001230710 | Nguyễn Thế | Quang | 14DHTH05 | | |
| 6 | 2001231010 | Chu Văn Quốc | Trung | 14DHTH05 | | |
| 7 | 2001230572 | Huỳnh Văn | Ngọc | 14DHTH02 | Xây dựng hệ thống tư vấn và dự đoán ngành học ứng dụng Machine Learning, RAG và XAI | CNTT-KLCN392 |
| 8 | 2001230717 | Nguyễn Anh | Quân | 14DHTH14 | | |
| 9 | 2001230969 | Nguyễn Thị Thùy | Trang | 14DHTH04 | | |
| **XXXXXVII** | **01014018** | **Phan Thị Ngọc** | **Mai** | | | |
| 1 | 2001230604 | Lê Văn | Nhật | 14DHTH13 | Gợi ý bữa ăn an toàn cho người dị ứng thực | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 2 | 2001230043 | Hồ Tiêu Nguyên | Bảo | 14DHTH13 | Gợi ý bảo an an toàn cho người dị ứng thực phẩm bằng lọc cộng tác kết hợp xử lý ngôn ngữ tự nhiên. | CNTT-KLCN104 |
| 3 | 2001230118 | Nguyễn Tấn | Duy | 14DHTH03 | | |
| 4 | 2001230066 | Nguyễn Quốc | Cảnh | 14DHTH06 | Xây dựng hệ thống quản lý trang trại chăn nuôi và theo dõi sức khỏe vật nuôi | CNTT-KLCN105 |
| 5 | 2001230798 | Huỳnh Ngọc | Tiền | 14DHTH16 | | |
| 6 | 2001230804 | Võ Hoàng | Tiến | 14DHTH13 | | |
| 7 | 2001230330 | Lê Viết Tuấn | Hưng | 14DHTH10 | Xây dựng Website mua bán trang thiết bị y tế | CNTT-KLCN106 |
| 8 | 2001230499 | Ngô Lê | Mai | 14DHTH15 | | |
| 9 | 2001230854 | Phạm Văn | Tuấn | 14DHTH12 | | |
| 10 | 2001230283 | Bùi Quốc | Hùng | 14DHTH04 | Xây dựng Website mua bán nông sản | CNTT-KLCN107 |
| 11 | 2001230305 | Nguyễn Phát | Huy | 14DHTH06 | | |
| 12 | 2001230387 | Huỳnh Duy | Khanh | 14DHTH04 | | |
| 13 | 2001230137 | Lâm Nguyễn | Dương | 14DHTH16 | Xây dựng hệ thống cho thuê xe du lịch trực tuyến | CNTT-KLCN108 |
| 14 | 2001230142 | Nguyễn Thành | Đạt | 14DHTH09 | | |
| 15 | 2001230541 | Đỗ Trần Hoàng | Nam | 14DHTH09 | | |
| 16 | 2001230400 | Nguyễn Việt | Khoa | 14DHTH12 | Xây dựng hệ thống quản lý trung tâm ngoại ngữ trực tuyến | CNTT-KLCN109 |
| 17 | 2001230715 | Phan Đình | Quang | 14DHTH05 | | |
| 18 | 2001230802 | Nguyễn Cao | Tiến | 14DHTH11 | | |
| 19 | 2001230250 | Phan Thị Hồng | Hòa | 14DHTH12 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 20 | 2001230394 | Nguyễn Hữu | Khánh | 14DHTH12 | Xây dựng hệ thống quản lý và đặt phòng homestay trực tuyến | CNTT-KLCN110 |
| 21 | 2001231022 | Nguyễn Vũ Phương | Uyên | 14DHTH12 | | |
| 22 | 2001230026 | Nguyễn Tuấn | Anh | 14DHTH07 | Xây dựng hệ thống quản lý nhà trọ/phòng trọ trực tuyến | CNTT-KLCN111 |
| 23 | 2001230147 | Võ Nguyễn Thành | Đạt | 14DHTH06 | | |
| 24 | 2001230583 | Phạm Sỹ | Nguyên | 14DHTH04 | | |
| **XXXXXVIII** | **01039003** | **Trần Thanh** | **Trâm** | | | |
| 1 | 2001230085 | Hà Triệu | Chinh | 14DHTH07 | Xây dựng hệ thống quản lý tuyển dụng và tìm kiếm việc làm | CNTT-KLCN262 |
| 2 | 2001230811 | Phạm Trí | Tín | 14DHTH07 | | |
| 3 | 2001230937 | Lê Quốc | Thông | 14DHTH07 | | |
| 4 | 2001230294 | Phạm Quốc | Huy | 14DHTH10 | Xây dựng hệ thống quản lý phòng khám đa khoa | CNTT-KLCN263 |
| 5 | 2001230308 | Phạm Trần Văn Quốc | Huy | 14DHTH15 | | |
| 6 | 2001230780 | Nguyễn Quang Bảo | Tâm | 14DHTH15 | | |
| 7 | 2001230028 | Nguyễn Tuấn | Anh | 14DHTH03 | Xây dựng hệ thống quản lý hiến máu nhân đạo | CNTT-KLCN264 |
| 8 | 2001230808 | Lâm Văn | Tiến | 14DHTH01 | | |
| 9 | 2001230862 | Vũ Cao Mạnh | Tuấn | 14DHTH03 | | |
| 10 | 2001230067 | Hoàng Văn | Cầm | 14DHTH15 | Xây dựng hệ thống quản lý gara sửa chữa ô tô | CNTT-KLCN265 |
| 11 | 2001230298 | Nguyễn Thành | Huy | 14DHTH03 | | |
| 12 | 2001231011 | Trịnh Hoàng Thành | Trung | 14DHTH14 | | |

| STT | MSSV/Mã GV | Họ và | tên | Lớp | Tên đề tài | Mã đề tài |
|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | 2001230460 | Đinh Thái Viết | Long | 14DHTH14 | Xây dựng hệ thống quản lý trung tâm bảo hành điện tử | CNTT-KLCN266 |
| 14 | 2001230467 | Bùi Hữu | Lộc | 14DHTH14 | | |
| 15 | 2001230510 | Đỗ Lê Thanh | Mẫn | 14DHTH14 | | |
| 16 | 2001230049 | Tôn Hoàng Gia | Bảo | 14DHTH12 | Xây dựng hệ thống phát hiện nội dung độc hại trên mạng xã hội tiếng Việt dựa trên mô hình học sâu | CNTT-KLCN268 |
| 17 | 2001230191 | Vũ Lê Anh | Đức | 14DHTH03 | | |
| 18 | 2001230575 | Hoàng Trung | Nguyên | 14DHTH15 | | |
| 19 | 2001230072 | Phạm Bá | Cường | 14DHTH09 | Nghiên cứu và xây dựng hệ thống hỗ trợ kiểm duyệt nội dung độc hại trên mạng xã hội sử dụng mô hình ngôn ngữ lớn | CNTT-KLCN271 |
| 20 | 2001230081 | Phạm Ngọc Thảo | Chi | 14DHTH07 | | |
| 21 | 2001230907 | Lê Thị | Thắm | 14DHTH09 | | |